

Năm thứ hai — Số 52

Tuần - lễ từ thứ tư 24

đến thứ ba 30 Juin 1942

TRi TÀN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần

Tòa báo 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội



Trong số này :

Thờ-tượng làm thành tờ báo ở xứ ta — Tra nghĩa chữ nho (VI) —
Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ (XXIX) — Phê-bình
« Triết-học Bergson » — Tùy hứng — Việt-nam văn-học sử (XXVIII) —
Nguyễn-văn-Nhân — Chung quanh vấn đề bài thơ « phỏng-
đáp » — Hiệp ước quân-sự Anh, Nga — Trắc mai xum-hợp (I) —
Những ông nghệ triêu Lê (XXIV)

GIÁ BẢO

Mỗi số 1 năm 6p80
10 xu 8 tháng 8.80
1.80

Cộng số giá gấp đôi

THỦ-TỤC LÀM THÀNH TỜ BÁO Ở XỨ TA

HOA-BÀNG

NGHỀ làm báo ở xứ ta mới xuất hiện được độ hơn 70 năm nay. Bây giờ, nhật báo, tạp-chí, sớm đóng trống, tối khua chuông, đổi mới tai mắt công chúng, tuy không phải là nghề mới lạ nữa; song những thủ-tục làm thành tờ báo, ngoài một số ít nhà nghề ra, phần đông còn chưa được am tường cho lắm.

Trong khi tiếp đón một tờ báo đến tay, nhiều người có cái thái độ khiến ta nhớ tới câu thơ cổ mà tôi dịch nghĩa đây:

Kia bao những khách lượt-là,
Phải đầu tay đã trải qua chần
tăm!

Phải, những khách thướt-tha quần là áo lượt phải đầu là những người lam-lũ, cần-cù, thức khuya, dậy sớm, chần tằm với bao nhọc-nhần vất-vả!

Nay nhân từ 20 Juin 1942 trở đi, các báo hằng ngày ở đây đều ra 2 trang, đánh dấu một biển thiên lớn trong lịch-sử báo-giới Nam-việt. Tôi tưởng nên thuật qua thủ-tục làm thành một tờ báo ra đây để hiển những « khách lượt-là » biết sơ câu chuyện « chần tằm ».

Về việc làm báo ở xứ ta, trước có đạo luật ngày 29 Juillet 1881, sau lại có đạo nghị-dịnh ngày 4 Octobre 1927. Từ đó tờ báo nào muốn được khai-sinh cũng phải chịu chung một chế-độ ấy.

Sau khi đã được phép ra một tờ báo rồi, vấn đề cần nhất, ai cũng biết, là tài-chính.

Qua được cái cầu « chạy tiền », người ta phải nghĩ ngay đến việc tối quan-trọng là tổ chức tòa soạn, bộ máy chế-tạo ra thứ sản-phẩm tinh-thần, tức là bài vở đó.

Bắt tay vào việc: một mặt cõ-động cho người ta chú ý đến tờ báo mình sắp ra, một mặt soạn bài-vở giao nhà in ấn-loát.

Công việc tòa soạn ở các báo bên ta đại khái như sau này:

Một bộ biên-tập thường chia việc tùy theo sở-năng của từng người: nho-học có, tây-học có, nhưng phải là những cây bút viết được quốc-văn cả.

Nhật-báo: Nếu thề-tài chỉ chuyên thông tin thì nội dung thường loanh-quanh trong những mục này: Tin thế-giới và tin trong nước.

Để giúp cho độc-giả biết sơ thời-cục thế-giới, các báo hằng ngày trước giờ thường có những mục như « Thế-giới hôm nay » hoặc « bàn cờ quốc-tế », trong đó tóm-tắt những tin quan-trọng hoặc về nội-chính, hoặc về ngoại-giao, hoặc về kinh-tế, hoặc về quân-sự, chiến-tranh, đã xảy ra trên trường quốc-tế hằng ngày, rồi viết thành bài tổng hợp cho người đọc tiện bề nhận biết đại khái.

Tài liệu để viết những bài ấy, người ta thường lấy ở những nguồn như thông-tấn xã Arip, thông-tấn xã Domei, hay là các báo tây, các báo tàu hoặc vô tuyến truyền thanh (radio) chẳng hạn.

Có việc rất phiền-tỏa mà rất

nặng mình là cái món tin trong nước. Món này chia làm hai mục: thời-sự Hà-nội (nói riêng về báo Bắc-kỳ) và thời-sự các tỉnh. Việc này dĩ-chảng mang lại cho người giữ nó một hứng-thú gì, mà trái lại, lắm khi chỉ gặp những trường-hợp rầy rà khó xử. Nếu không thận trọng một chút thì dễ xảy ra « tai nạn » cho nhà báo: bị kiện là thường! Bởi chưng có khi vì lòng ghen-ghét hay vì mục-dịch làm tiền, ở ngoài — hoặc phóng-viên các địa-phương nữa — gửi đến những bài thời-sự có tính cách phỉ báng người ta.

Những bài muốn lôi ra ánh sáng những hành-động hà-lạm, bất công hoặc dã-man của người khác nhưng chưa đủ chứng-cớ hoặc chưa thành án, nếu vội đăng ngay cũng là một dịp để đưa nhà báo đến vòng kiện-tụng.

Nhiều tờ báo ta xưa nay đã gặp những trường hợp bị kiện như thế không phải là ít.

Chẳng những vậy, ở ngoài, lắm khi vì cạnh-tranh không chính-đáng, vì hiểu sự nghịch tình, người ta hay gửi đến những « tin vịt » cho nhà báo. Nếu người giữ mục tin tức sơ ý một chút, dễ mắc hớ ngay!

Ngoài mục tin tức, tờ báo nào cũng phải lo ra một độc-giả món tiêu thuyết hoặc viết hoặc dịch nữa.

Mục tiêu thuyết này tuy tầm thường nhưng rất có ảnh hưởng đến tờ báo. Trước đây có một vài tờ tuần-báo vì viết được những thiên tiêu thuyết hay, nên đã hấp

dân được nhiều « khách hàng ».

Nhật báo bấy nay phần nhiều chỉ dịch tiêu thuyết, nhất là tiêu thuyết tàu cổ, chứ ít khi sáng tác, một vì ngày nào cũng phải « xài » đến món ăn ấy, thì-giờ gấp rút, sợ « chế tạo » không đủ cung cho sự cần dùng; hai vì người giữ mục « tiêu thuyết » ở báo hằng ngày thường phải làm sam nhiều việc khác, không phải là những cây bút tiêu thuyết chuyên môn.

Hơn 15 năm về trước, các báo hằng ngày ở đây mỗi kỳ có một bài xã thuyết Nhà báo nào cũng phải dành mục ấy cho những cây bút cứng.

Dần dần về sau, người ta chán chĩnh những tờ nhật báo lại, bắt chúng nó phải chú trọng về tin tức hơn về nghị luận. Dầu vậy, nhiều tờ hằng ngày bấy giờ lại kiêm cả những mục có tính cách chuyên môn như chiến tranh, văn chương, phụ nữ, nhi đồng, khoa học và sử học nữa. Nhưng từ 20 Juin này trở đi, vì phai hạn chế giấy, các nhật báo quốc văn chỉ được ra hai trang thôi, như thế các bạn hằng ngày tất phải rút hẹp phạm - vi, khó lòng nói nhiều như trước được nữa.

Tuần san, bán-nguyệt-san, hoặc nguyệt-san chia làm hai hạng : Thông-tục và chuyên-môn.

Thông tục là loại « chấp chi nhật - nhật » nhét món gì vào cũng được, miễn đáp được tiếng đòi gọi của độc-giả thì thôi.

Còn loại chuyên-môn, là những tạp-chi đi riêng từng đường chuyên khoa như sử-học, văn-học, khoa-học, chính-trị, kinh-tế, pháp-luật, v.v. Loại này chỉ hợp với một số độc-giả lựa chọn, vì ai thích món nào thì mới chuốc đến những tờ chuyên môn về món ấy.

Mỗi bộ biên-tập thường có một viên tổng biên tập hoặc tổng-thư-ký Tòa-soạn đứng trông-nom hết các bài-vở.

Viên tổng biên-tập ấy có trách nhiệm rất nặng-ne : giữ cho tờ báo khỏi đi lạc tôn-chỉ, gây lấy cái tinh-thần nhất tri trong một tờ báo, đứng đề mỗi cây bút trong tòa soạn lời kéo đi một đường.

Mỗi một kỳ báo, viên tổng biên-tập phải lo soạn bài, sửa bài, xếp đặt bài vở.

Ngoài bài mình phải viết vào những mục cần có trong một kỳ, viên ấy còn phải kiểm-điểm những bài của nhân-viên tòa soạn, phải đọc những bài lai cáo.

Trừ những trường - hợp đặc-biệt có thể đăng nguyên-văn đề tỏ ý tôn-trọng cái cá-tính của người viết ra không kè, viên ấy phải cẩn-thận xét kỹ hết thấy mọi bài. Cần phải sửa lại những chỗ nếu thấy có phạm đến chính-trị, đến tôn-giáo (vì theo chế độ làm báo ở xứ ta), hay đi sai-trật con đường đã vạch hoặc mâu-thuẫn với những tin-diệu của tờ báo mình đương chủ-trương. Ấy là chưa kể những chỗ phải sửa vì văn pháp, vì tu từ hoặc vì nhiều cơ khác.

Thường thường, viên ấy phải đề ý cả đến lối tiêu điểm trong bài, cách viết văn quốc ngữ và những chỗ nên xuống giọng.

Lắm bài, vì tác giả câu-thả trong cách chấm câu, cách viết quốc-ngữ, cách hành văn, bõn-phận lại buộc viên ấy phải thay tác-giả mà lấp những chỗ trống ấy.

Sau khi lựa được bài đăng báo rồi, viên ấy phải xem chỗ nào nên in thứ chữ nào thì lấy bút đánh dấu ở bên cho thợ in cứ theo đó mà xếp chữ. Tùy bài, tùy chỗ mà nên xếp chữ chẳng hạn như roman, latin noir, hay italique. Trong những thứ chữ này lại có từng « thân » (corps) lớn nhỏ khác nhau. Các bài vở thường xếp thứ chữ lớn nhất là corps 10 nhỏ nhất là corps 6. Ấy là chưa kể những đầu đề phải làm bằng những thứ chữ lớn từ corps 18 đến 26 không chừng. Nhưng tiếc rằng nhà in ở

ta, nhất là trong thời - kỳ chiến-tranh này, không có nhiều lối chữ để đặt đầu đề hoặc để xếp bài, nên lắm khi không làm được theo như ý muốn. Nói ngay như cái nạn thiếu những dấu ngoặc đơn (parenthèses), làm cho câu văn nhiều khi thành ra ngớ - ngẩn hoặc nguy hiểm hơn, là vô-nghĩa nữa. Đã lâm đến cảnh thiếu đồ cần dùng như thế, còn nói gì đến phương-liện mỹ-thuật về ấn loát được nữa !

Sửa bản in thử (épreuves) cũng là một việc mất nhiều thì-giờ của tòa soạn mà không có một đền-bù gì xứng đáng. Lại vì nhà in làm việc cầu thả, nên mỗi bài thường sửa đến hai ba lần mà vẫn hầy còn phốt : đó vì khi xếp chữ để phốt nhiều quá, đến lúc sửa bản in thử, thấy có kéo phốt ra đổ ngòm cả một trang giấy, làm cho ông « sếp-com-pô » loạn cả mắt lên ! Rồi lắm khi nhà in lại cầm chữ nọ chộp ra chữ kia, hoặc vì đăng tri hay lười biếng mà không sửa hết phốt.

Ngoài những cơ ấy, có lúc lại vì máy in không tốt mà xui hên : hoặc đang in, máy bỗng xó đi làm cho nghiêng hẳn bát chữ, hoặc nghiêng gãy hết cả lượt dấu, làm cho độc giả phải mệt trí suy đoán mới đọc xuôi được những trang báo « rúi-ro » ấy.

Gán-hoặc có khi thợ máy không chịu chải kỹ bát chữ cho thật sạch hay không dán kỹ cho chữ lên hết, hay cầm liều những chữ ở hàng dĩa khi bị nghiêng đổ rơi tụt, đó cũng là những cơ làm cho tờ báo nhiều phốt.

Nếu xét cho những nỗi khổ tâm ấy, chắc các bạn đọc thân yêu cũng vui lòng lượng thứ cho những lỗi đã xảy trên báo như thế. Dầu sao, nhà báo cổ nhien là vẫn phải chịu trách nhiệm với bạn đọc về những lỗi ấy.

Trong thời-kỳ thợ in mới xếp

thành từng bài hay từng cột báo một, tòa soạn phải liệu đặt các bài vở cho thành trang. Có điều rất khó xử là những khi bài thừa một mẩu ngắn không vừa chỗ đặt hay làm cho mất vẻ mỹ - quan về mặt ấn-loát, tòa soạn buộc phải cắt «kéo» mà liệu cắt bớt đi cho vừa.

Sau khi đặt thành những trang báo rồi, nhà in phải đưa ba bản «mo rât» (morasses) ra ty Kiểm duyệt.

Tòa soạn, ngoài những công việc phải làm như thế, còn phải tiếp khách đến bàn luận về văn chương hoặc họp bạn đề trao đổi ý - kiến, còn phải thư từ giao thiệp với các bạn cộng tác ở gần xa, còn phải giải đáp những câu hỏi của bạn đọc hoặc bằng thư riêng hoặc bằng thư ngỏ.

Có lắm việc rất phức tạp mà người ngoài không thể tưởng tượng được, chẳng hạn như muốn phỏng vấn một nhân - vật nào, lắm khi phải mất bao nhiêu thì-giờ mới hỏi ra được một cái địa chỉ, ấy là chưa kể những lần đi không được gặp, hay là viết thư xin hội kiến mà không được tiếp!

Lại có những việc bất kỳ xảy ra trong một trường-hợp rất đặc biệt và thì giờ rất gấp rút, như có một nhân-vật trong văn-giới, học-giới, báo-giới hay nghệ-thuật-giới nào đó thỉnh-linh qua đời, nếu là tờ báo có tinh cách văn-hóa, lẽ tất nhiên phải có bài ai-thuyết về sự-nghiệp của người quá-cổ ấy. Muốn cho sót dèo hợp thời, tòa soạn có khi chỉ trong một buổi tối, phải tìm kiếm cho đủ tài-liệu để viết bài về nhân-vật đó. Nguy nhất là quê quán và ngày sinh tháng đẻ của người mới chết hay người được làm kỷ-niệm mấy chu niên kia lại là cái «bí-ẩn» mà tòa soạn chưa «khám phá» được! Làm

thế nào bây giờ? Tất nhiên phải thân đi lòng hỏi hoặc viết thư dò hỏi những người có liên-lạc đến với-giả ấy. Khốn nỗi nhiều lần chỉ mua được những điều thất-vọng: một là người ta cũng thật không biết, hai là người ta không buồn trả lời, ba là người ta chùng chình trì-hoãn, chứ nào có biết đâu cho mình đang bị nhà in thúc bài vì khuôn cuối-cùng chỉ còn chờ đợi có một bài ấy!

Ngoài ra, những công việc khảo cứu: chỉ một tên người, một niên hiệu cũng đủ làm cho người viết bài phải tốn bao nhiêu công phu ngày giờ.

Ở những tòa soạn có nhiều người, anh mang, nàng xách, đông tây, mây sao, thì còn đỡ bận; chứ như những báo chỉ có một hai người hoạt-động thì lắm khi nghĩ cũng «thương tâm» cho nghề cầm bút!

Sau khi biết sơ công việc của tòa soạn (rédaction), chắc nhiều bạn muốn hỏi: thế còn ty chủ-sự (direction) và ty trị-sự (administration) làm gì?

Viên chủ-nhiệm ở ty chủ-sự có bổn-phận phải ràng chịu lỗ lãi một tờ báo nếu là tờ báo của một mình bỏ tiền ra làm; phải chọn người tổng biên-tập, tức chủ-bút, mà giao-phó cho việc tổ-chức tòa soạn;

Đứng đầu ty trị-sự, có viên quản-lý. Viên này giữ về kinh-tế và trông coi về việc phát hành cùng gửi báo.

Mỗi kỳ báo ra, viên này phải ký tên vào những số báo đưa trình Tòa, tỏ ra mình chịu trách nhiệm đối với luật-pháp những cái chi đã in ở trong kỳ báo này.

Một bài báo nói về chính-trị mà tác-giả nó giấu tên, nếu bị truy-tố, thì trước pháp-luật, tòa án chỉ

có thể buộc tội viên chủ-nhiệm và viên quản-lý, chứ tác-giả bài ấy quyết không can gì. Nhưng nếu hai viên này không đủ can đảm nhận lấy mà khai xưng cả tên người viết bài thì tất nhiên cả ba đều phải liên-dối trách-nhiệm vì một bài ấy.

Từ công việc lấy quảng-cáo đến mua giấy hay thuê in đều là phạm vi việc làm của ty trị-sự. Ngoài ra còn những việc như làm sổ-sách, tính tiền nông nũa. Đó là những công việc cũng giống các nhà buôn khác.

Báo giới bên Pháp, trước hồi Âu-chiến hiện thời, đã đi đến một bước rất thịnh đạt:

Mỗi ngày in đến 10 700 000 số báo, phải dùng đến 950 tấn giấy. Làm vào nghề báo có tới 20 120 thầy, thợ, trong đó có 4 038 biên-tập-viên.

Ở ta, ngót một thế-kỷ nay, nghề báo hầy còn lẹt-đẹt chậm tiến, là vì có nhiều nguyên nhân, nhưng có một cơ dễ nói là vì nước mình nghèo quá!

Nay muốn cho báo-giới ta thêm phần phát-đạt? Tôi tưởng, ngoài sự nỗ-lực của nhà báo, còn phải trông ở sức cộng-tác của các bạn đọc. Nếu ai cũng nghĩ cố sức nuôi sống cho tờ báo đáng đọc, hết lòng khuyến-khích nó, ủng-hộ nó, cổ động cho nó, đề cho việc đọc báo chỉ dần thành thói quen trong các gia đình, thì các báo ta mới mong thoát khỏi chứng sai «kinh tế», rồi mới có hi vọng lẫn tới bằng báo ngoại quốc được.

Trong khi «chăn tằm», chúng tôi phải lớn tiếng kêu gọi tấm lòng nhiệt thành của đám khách «ý la»: xin giúp chúng tôi được dễ dàng trong việc «nuôi tằm», một sinh sản lực chế tạo ra hàng tơ hàng tằm tinh thần đó!

HQA-BẮNG

TRA NGHĨA CHỮ NHỎ

Số 6

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TÔ

V. — Chữ D.

Ở trang 67, quyển *Tâm nguyên từ-diễn* của ông Lê văn - Hòe, dưới chữ *giấm chua lửa nòng* và chữ *hỏa khanh*, nên cắt nghĩa *hỏa khanh* là «ơi rất khốn-khở» (cực khốn-khở chỉ cảnh vì *hỏa khanh*: chữ *Từ-nguyên*) và chữa câu «Giấm chua lại tội bằng ba lửa nòng» làm «Giấm chua lại tội bằng ba lửa nòng».

Ở trang 68, in nhầm chữ nhỏ dưới chữ *di-luân* (luân-thường): nhiều người cũng nhầm như ông Lê văn-Hòe, viết chữ *phấn*

ở giữa; chính ra là một bên chữ *mẽ*, một bên chữ *hệ*.

Chữ *hồ* dưới chữ *hồ nghi* ở trang 69 cũng viết sai phải chữa: *khuyển* bên chữ *qua*, chứ không phải *khuyển* bên chữ *Hồ* (cổ nguyệt). Còn chữ *do-dự*, ông Lê văn-Hòe giảng như thế này: «Người Tàu tương truyền rằng *do* và *dự* là hai giống thú, khi đi đứng, lúc tới lui, bao giờ cũng e dè sợ-sệt, như ngờ-vực, như đoán trước một sự nguy-hiểm gì sắp xảy ra cho mình. Cho nên người ta đã lấy tên hai giống thú để làm một hình-dung-từ trở thái-độ của người hay ngờ-ngại, không quả-quyết, có ý so-sánh thái-độ người ấy với thái-độ con *do* và con *dự*». Có thật có cả con *do* và con *dự* không? Quyển *Từ-nguyên* chưa nghĩa chữ *dự* là «do dự tính xung» nghĩa là đi đôi với chữ *do*: con *do* thì có thể gọi bằng là con thú *do*, hình giống như con hoẵng lớn (chữ nhỏ gọi là *kỷ*, chữ Pháp gọi là *daim de grande espèce*, theo quyển *Petit Dictionnaire chinoise français* của ông F O.S. Couvreur, trang 718) phạm việc gì không quyết định, người ta gọi là *do-dự*, chính nghĩa là con *do* nó *dự*, chứ không phải là con *do* con *dự* (bởi nghĩa *do dự tính xung*).

Ở trang 71, nên chữa chữ *liễu* theo bộ *tiết*; viết theo bộ *ấp* thì sai.

V. — Chữ Đ.

Ở trang 73, ông Lê văn-Hòe nói chữ *đài* «có nghĩa là dinh thự các quan đại-thần như

Thượng-thư *đài* (Trung-đài), là Ngự-sử-*đài* (hiển-*đài*) Tự vị *Khang-hi* chữa chữ *đài* tên quan (*quan-danh*) và dẫn ba chức quan nhà Hán theo truyện *Viên-thiệu* như sau này: thượng thư là trung-*đài*, ngự-sử là hiển-*đài*, yết-giả là ngoại-*đài*. Chữ *đài* còn là tên gọi người bèn (tiên-giả chỉ xung) của người sang nữa (xem dưới kia): sách *Tả-truyện* có chữ «bộc-thần-*đài*», nghĩa là «bọn đầy tớ rất thấp» (bộc-lệ chỉ trí-tí). Đời xưa lãng mộ cũng gọi là *đài*; sách *Son hải kinh* chép *đài* Đế Nghiêu, *đài* Đế cốc. Chỗ đắp đất cao và vững trông ra bốn phương cũng gọi là *đài*: thiên-tử có ba *đài*: linh-*đài* để xem thiên-văn, thời-*đài* để xem bốn mùa, phổ-*đài* để xem diên thú *Đài* còn nghĩa là lũy đất ở trên cửa thành: lại còn nghĩa là điện: sách *Tam-phụ-hoàng-đồ* chép «Vị vương hữu Khúc-*đài* điện» (cung Vị-vương có điện Khúc-*đài*) v. v. Đến đây là theo tự vị *Khang-hi*. Còn *Từ-nguyên* thì chưa rằng: phạm chỗ đất hơi cao người ta có thể trông suốt được cũng gọi là *đài*, như giảng-*đài*, diễn-thuyết-*đài*. *Đài* cũng là lời tôn xung, như thuộc-lai gọi quan trên là hiển-*đài*, bề bạn gọi nhau là huynh-*đài*. Còn *đài-các* thì gọi quan thượng-thư: *Hậu-Hán thư* chép «Đời Quang-

Sách khảo cứu

Truyện đức Khổng-tử — Thuật trọn đời hy-sanh và tận tụy về phong-hóa, đạo-ngĩa của đức thánh Khổng. Ngài là một mảnh gương học hỏi, cương quyết, thanh bạch. Trọn bộ 1 quyển: 1p.00

Mấy thầy tu huyền bi — Ở Tây-tạng và Mông-cổ. Biên những cách luyện đạo của các nhà tu trị nơi non cao đồng vắng, những phép huyền linh của hạng người thắng phục thân tâm.

Trọn bộ 1 quyển: 1p.10
Gửi mandat thêm cước phí 0p.55

M. Đoàn-Trung

143 Rue Louvain Saigon

Ồ mai Tiễn Lợi
ngon lành

Và lơ Tiễn Lợi
nổi danh ở đời

Bốn trăm linh bảy
Bách-mai. Hỏi thăm cho
đến tận nơi mua dùng

Vũ việc trị nước không giao cho kẻ dưới, tuy đặt chức tam-công việc vẫn về đài - các : đài thượng thư vàng mệnh vua ban chiếu chỉ thực có quyền tể phụ ; đời sau gọi Các-thần là đài các. gốc từ *đầy* (*Từ-nguyên*, quyển mùi, trang 189). Tiếng Nam ta dùng chữ đài-các vào nghĩa quan cách quyền-quí, như câu «Ra vào đài-các thành-thời» trong truyện *Cúc-hoa*.

Ở trang 74 dưới chữ *đan-tri* (thêm cung-diên sơn son), ông Lê văn-Hòe viết nhầm chữ *đan* ; phải chấm giữa ở trên nét ngang chữ không phải sỏ xuống.

Cũng ở trang 74, chữ *đàn* là trường tể, phải viết *thờ* bên chữ nếu viết *mộc* bên chữ *dẫn* như ông Lê văn-Hòe, thì là tên một thứ cây quý : *Bản-thảo* chép cây tử - đàn, bạch-đàn (thấy dẫn trong tự-vị *Khang-hy*) ; *Từ-nguyên* chép cây hoàng-đàn, bạch - đàn và một thứ gỗ đàn giống như đàn-hương, nhưng không có mùi thơm. Còn chữ *đàn* viết *thờ* bên, tự vị *Khang-hi* chưa những nghĩa sau này : 1, chỗ đất đắp cao : kinh *Lễ* chép :

«Phấn sai vu Thái đàn, tế Thiên giả» (đốt củ ở Thái-đàn là tế Trời đó) ; — 2, nơi giữa sân, người nước Sở gọi là đàn ; — 3 nơi quốc-quần triều hội ; — 4 đàn lập để làm lễ minh-thệ, hoặc đặc cách phong chức tướng văn tướng võ ; — 5 kê-đàn là chỗ hội-hợp bạn-hữu : *Bắc-hộ* lục chép «người Việt mỗi khi kết bạn thì làm đàn, tế dùng chó trắng gà đỏ» ; — 6 dao-đàn là cảnh tiên. Chữ *đan* có một âm nữa là *thiện*, nghĩa là đất đồng (dã thổ giả), đất bỏ không (trừ địa giả)

Ở trang 75, dưới chữ *đào-nguyên*, nên chua nghĩa là nguồn suối phía trong rừng hoa đào : Đào-Tiêm đời Tấn có bài ký (*Đào-hoa-nguyên ký*, dịch dưới này), trong nơi người đánh cá ở Vũ-lăng vào rừng hoa đào gặp người đời Tần tránh loạn ở đây, cho nên về sau gọi nơi tránh loạn là đào-nguyên ; khi người đánh cá đã trở về, muốn tìm đến lần nữa thì không thấy đường : vì thế còn gọi đào nguyên là nơi tiên-cảnh ; trong *Kiều* có câu : «Đào-nguyên lạc lối đâu mà tới đây ? » Bài *Đào-hoa - nguyên ký* của Đào-Tiêm, chép trong bộ *Thần viên lục chủng*, dịch ra như sau này : «Khoảng năm Thái-nguyên (376-396) đời Tấn, có một người ở quận Vũ-lăng làm nghề đánh cá, men khe suối đi kiếm cá, rồi lạc đường. Chợt gặp rừng hoa đào (đào hoa lâm), giáp bờ sông độ vài trăm bước : trong rừng không có thứ cây gì khác lẫn vào, chỉ có cỏ thơm tươi tốt. Người đánh cá lấy làm lạ, lại đi nữa và muốn đi hết rừng. Khi đi hết rừng thì đến một nguồn nước, rồi đến một ngọn núi : núi có một cửa hang nhỏ, thấp-thoảng như có ánh sáng. Bèn bỏ

thuyền đi vào trong hang : mới vào, đường rất hẹp, chỉ vừa người đi. Đi được vài mươi bước, thấy trong rộng mông-mênh, đất rộng bằng-phẳng, nhà cửa đẹp đẽ, có ruộng tốt, có ao đẹp, lại có những thành tre ruộng dân, đường thiên đường mạch thông nhau, tiếng gà tiếng chó xen lẫn. Những người đi lại, làm lụng ; quần áo đàn ông đàn bà hết thảy là một lối khác ; người tóc vàng, kẻ dễ trái đào, đều hớn-hở vui-vẻ, không phải lo nghĩ gì hết. Thấy người đánh cá đến, lấy làm lạ, hỏi từ đâu đến ? Người đánh cá đáp lại rõ-ràng. Bèn mời về nhà giết gà, làm rượu thết. Người trong xóm nghe đều lại hỏi thăm, rồi tự kể rằng đời trước tránh loạn nhà Tần (246-207 trước kỷ-nguyên,) đem vợ con và người lang đến đây là nơi cùng-tột, chẳng muốn đi ra nữa, xa-cách bản với người đời. Hỏi nay là đời gì ? thì những người ấy không biết có nhà Hán, huống chi là Ngụy với Tấn. Người đánh cá lại nói rõ-ràng : người trong xóm nghe đều lấy làm ngạc nhiên. Mọi người mời đến nhà đặt rượu thết. Người đánh cá ở trong đó vài ngày, rồi cáo từ xin về. Người trong xóm dặn không nên nói cho người khác biết. Khi trở ra, lại thấy thuyền, bèn bơi trở về : chỗ này chỗ khác nhớ cả. Kịp về đến quận, vào hầu quan thái-thú, nói chuyện đầu đuôi. Quan thái-thú liền sai người theo đi tìm những đường trước đã nhớ, thì mê không thấy đường nữa. Lưu-tử-Ký là kẻ cao-sĩ đất Nam-đương, nghe chuyện, hớn-hở muốn đi ; nhưng chưa kịp đi thì bị bệnh chết. Sau không ai tìm đến bến ấy nữa (bạn toại vô vấn tân giả.)

Còn nữa
Ứng-hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

LOẠI SÁCH
QUÊ-HƯƠNG

Trần Can

kèm thêm
(Lý Chiêu-Hoàng)

Vở kịch dài đầu tiên bằng thơ
trong thi giới Việt-Nam.

Một thi phẩm tuyệt tác
của

PHAN KHẮC-KHOAN

Belle postale N. 32 Hué

người đầu tiên chuyên viết kịch
bằng thơ theo sự tích của quê-
hương đất nước.

Ở Bắc kỳ, gửi về cho hiệu
sách Đông Tây 195 hàng Bông
Hanoi. Giá sách 0p80 Cước 0p14

Tài-liệu đề đình-chính những bài văn cổ...

Số 29

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TÔ

CIV

Văn tế chồng (1)

Than ôi ! sông mê muôn dải,
bề thăm nghìn trùng, dễ biết
được cơ trôi rạt, khôn bàn hết
sự sâu nông ; ấy khát-khe tượng
bởi cơ giới, nửa tắc bụng bỗng
nên chùng Sả Vĩ, hay chềch-lệch
có vì mả lỗ, nửa gang tay xui
nên sự Hoài trung.

Bụt Sa-bà nào phúc ấy đề đầu ?
Sao khuya khoắt chẳng độ người
oan-thác ? Quan Thủy-phủ có
việc chi dưới ấy ? Bỗng vội-vàng
mà lên ghề công-đồng ; thương
vì điều luyện-tập một nghề dòng,
trường cung-mã cũng đủ tài lặn
lội, xót vì nổi lăm-le ba đợt sóng,
hội long-vân chưa cam chí vẫy-vùng.

Ngoài sáu tuần tuổi mẹ chưa
dễ trôi hoa, đau đớn nhĩ trên tay
rơi trái cây, trái mười tháng
phận con thôi đành tằm bắc, tội-
nghiệp thay trước mặt quạnh
nhà tuồng ; tơ-tóc chưa đến
nghĩa giá trong, vì bởi thiếp phải
bơ-vơ lữ bước, giang-sơn để một
người liễu yếu, gánh cho chàng
thêm bận-bịu trong lòng.

Bát nước đầy mấy kiếp cùng
nhau ? Công lâu-đận luống dãi-
chàng xe cát bể, đĩa dầu cạn một
mai đến nổi, tiếng nỉ-non như
cỏ vạc lụi bờ sông ; đến vì tử
phận hạt mưa, đất một hốc dốc
lá gan như đỏ, lại đoái hồ thấn
hồn bọt, ngã ba dòng tuôn nước
mắt khôn đông.

Đứng đầu non trông ngàn-ngát
suối vàng, nửa đời ấy đã lỡ
duyên làm vợ, ngồi trước án
chuốc vơi vơi giọt trắng, một

kiếp này cho vẹn đạo thờ chồng.

(Trích ở quyển *Lệ ngữ văn tập*,
sách viết bằng chữ nôm của
Trương Bắc-cổ, số A B 166 tờ
12b/).

CV

Con khóc cha.

Thương ôi ! Con có cha như
nhà có nóc, bề rộng non cao, cây
muốn lặng mà gió chẳng dừng,
giời ôi đất hỡi ! nói chẳng hết
nhớ, kẻ sao xiết nỗi ! Nhớ cha
xưa, tính rất hiền-lành, tư giới
nông-nôi, nét-na một mực vui-
hòa, giản-dĩ những đường ăn
nói.

Hai-mươi năm theo nghề cung
kiếm, đầu đội phấn vua, bảy
mươi tuổi về chốn gia-hương,
vai lên nhiều hội. Đạo thương
con thu-vén trong ngoài, lòng yêu
con sớm trưa mong mỏi, cũng có
lúc đi sương về nắng, coi cây
thăm cấy, gian-nan nào có quản
công ; lại có khi gió mát giăng
thanh, cuộc rượu chén chè, thong
thả cũng phong-lưu theo thói,
cửa nhà vui vẻ, cảnh nhàn chưa
được mấy ngày, thang thuốc
phụng thờ, cõi thọ những mong
trăm tuổi.

Văn tướng giới che phật độ,
đường bầy còn dài, nào ngờ cơn
túng vận đen, ai làm nên nỗi,
nhớ từ thừa mẹ đã khuất bóng,
công cha còn hàn gấm một tay,
đến bây giờ giới lại chẳng
thương, lòng con luống ngổn-
ngang trăm mối.

Đêm thu ngày hạ, ai thêm nom
đắp lạnh quạt nồng ? Gối đất nằm
sương, ai hầu-hạ ôm chân ấp
gối ? Đời bao giờ thấy mặt, một
bước một xa, gió mưa như gọi

Thống-chế PÉTAIN đã nói :

« Bản - chức đương cổ thu-
thập hết các lực - lượng tốt - đẹp
mà Đại - Pháp xưa nay vẫn bảo-
tồn, để cho nước nhà có thể tự-
lực chống với cơn khủng-
khủng về tinh-thần và vật-chất,
nó đương lay động đến cả nền
tảng của văn-minh thế-giới. »

đau lòng, khi khuya khi tối.

Tử một lũ anh em đơn - tủng,
biết rằng nương tựa cùng ai, tôi
một đàn con cháu ngây-thơ, vẫn
nghĩ kỳ-gi (2) nào vội. Tưởng
nguồn cơn nghìn đắng trăm cay,
nghĩ tâm sự trăm đường nghìn
nỗi.

Theo lệ hương-tục, dám dẫu
rằng công bao nghĩa đến, che
mắt thế gian, gọi là có lưng rau
đĩa muối. Thương hương !

(Trích ở quyển *Quốc-đm thi
văn tập*, sách viết bằng chữ nôm
của Trương Bắc-cổ, số A B 109,
tờ 29 a).

CVI

Con tế cha.

Than ôi ! mưa sa ngàn từ-thảo,
giọt cương-thường tuôn bề thăm
lênh-lang, gió thổi dậm bông-
hoa, mây đỉnh hể đắp thành sâu
chất ngất ; trên phúc-bồn dầu tự
ý hẹp nòi, trong cốt khí biết bao
giờ khuấy-khuất ?

Nhớ thuở ký-sinh nơi trần-
cảnh, nghĩ tôn đường mà nỗi
dấu đao-khuê, tự ngày ich - trí
chốn bông môn, an tính-mệnh
chỉ chăm bề y-dược ; dòng hạnh-
nhân đành sáng nghiệp cơ-cừu,
lòng hậu-phác đã vững nền âm-
chất, bài bảo-mệnh ra tay độ thế,
mái non đoái còn dậm khi
trường-sinh, thuốc hoàn-dồng
quyết chí điều nguyên, dải thành
bắc đã lừng hơi khương-hoạt.

Quyết minh lỗ nghĩa quân-
thần, viễn chí nhiều phương mưu
lược ; viên trí-khi ngát mái quốc
lão, chế hoàng-ký mà dẹp chướng

thiên-ma, bài trừ tà trợn mắt
quồng-quần, đem tê-giác dễ ngự
loài mộc-tặc; lũ hải-nhi trịnh-
nữ cũng nhờ ơn, kẻ thương-nhĩ
bạch đầu còn mến đức.

Bỗng thấy sự đời tang-hải,
sương in nhà ích-mẫu đầm-dìa,
sui nên thì vận sâm-si, gió lọt
trướng phù-dung hiu-hắt; ruột
khương-tam nhường chín khúc
vò tơ, mộng hồ-diệp những năm
canh lân-quất.

Nhà cần-kiếm lo phương hoạt
mệnh, vững can trường chống-
chọi lúc gieo-neo, thuở hàn vi
tìm thể báo anh, ra tay thước vổ
về loài trũng nước; lòng đại-phụ
lại gây mưu yển-tử, dầu cầm-
bào còn rèn tập về sau, lũ đồng-
nam dù nổi tiếng vi-y, lối cô-
ngõa đã mở mang từ trước.

Đâu là chẳng giai tài tận quất,
ních phê-phê túi vũ-dư-lương,

ai đương khi hữu sự tắc hồ, mãi
sảng - sảng sừng văn-tê-giác;
những ước được tròn câu thiêm
thọ, thù-thì qui-giáp hộ đèn xuân,
nào ngờ chưa chầu chữ vi-kỳ,
dan-diu tiên - đẳng sông nước
Nhuộc.

Chốn thiên-môn đà lọt cỏi trần
hoàn, ngày bán hạ hãy đương
tuần viêm nhiệt; hay thủy phù
có người lên dậu hiem, trở long
dinh chen hạc tất vào xem, hay
thiên tạo cho sứ rước lương-y,
vâng phượng-chiến giục ma-ue
thẳng bước.

Lối sơn-xuyên lộ cách biết
dầu chừng, nỗi phụ-tử tình thâm
khôn kể xiết; trước đã gặp hồi
xao-xác, nghĩ thù ân chưa cam
toại niềm đơn, nay càng cảm nỗi
khúc nhôi, cũng tòng tục dám
nhân trần lễ bạc; ba tuần bạch-
tửu khuyên mời, một nén trầm-
huong ngào-ngạt.

(Trích ở quyển *Lệ ngự văn tập*,
sách viết bằng chữ nôm của
trường Bác-cổ, số A B 166, tờ
13b-14b).

Còn nữa

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ
biên tập

1) Ba bài văn tế đăng kỳ này chưa
có ai in ra quốc-ngữ. Bài thứ nhất
(CIV) đề là *Thế tế pha văn* (do bình
sinh tập võ sự, tòng nhung nịch thủy),
nghĩa là Văn vợ tế chồng (người
chồng bình-sinh tập nghề võ, đi
linh chết đuối). Bài thứ hai (CV) đề
là *Tử khắp phụ văn* (Văn con khóc
cha). Bài thứ ba (CVI) đề là *Tử tế
phụ văn* (do y gia sư), nghĩa là Văn
con tế cha (nhà thầy thuốc).

2) Văn nôm của Trường Bác-cổ
viết sai và thiếu. Chỗ này các nhà
nho đọc là *kỳ-gi* nghĩa là một trăm
tuổi, nhưng có lẽ chưa đúng. Còn
những đoạn thiếu, tôi đã có ý đi
tìm, nhưng chưa tìm được bản nào
đủ.

TUẦN LỄ TRIỀN LÂM

IB Á O = S Á C H

VÀ ẢNH CÁC VĂN NHÂN THI-NHÂN VIỆT-NAM

TẠI NHÀ SÁCH NGUYỄN KHÁNH-ĐÀM

12, Phố Sabourain — SAIGON

TỪ 11 JUILLET ĐẾN 18 JUILLET 1942

- Những tờ báo tiên phong in bằng quốc-văn ở xứ mình
- Những Sách, Báo, tạp-chi xưa và nay.
- Những Sách, Báo xưa rất quý mà hiện nay tìm không thể có
- Những loại sách đẹp, in bằng giấy đặc biệt không có bán

MỘT TUẦN LỄ TRIỀN LÂM CÓ TÍNH CÁCH
BIỂU DIỄN TRÌNH ĐỘ VĂN-CHƯƠNG VÀ BAO CHÍ

Một công trình gom góp trong nhiều năm. Hay trong một tuần lễ.

Sẽ làm vừa lòng các bạn yêu văn chương mãi mãi.

Từ 11 đến 12 juillet = đề riêng cho các bạn nhà báo nhà văn

Từ 13 — 18 — = cho các bạn yêu Sách Báo

Nên mua Sách Báo ở chi nhánh của nhà sách Nguyễn Khánh-Đàm

« Quán Sách Autobas » góc đường Espagne và Schrseder.

Bia Văn-miếu

Những ông nghề triều Lê

Số 25

Ứng-Hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

KHOA qui-mùi, năm Quang-thuận thứ tư (1463), đỗ đệ tam giáp đồng-tiến-s xuất-thân hai-mươi-sáu người

1. — Nguyễn-dinh-Khôi, người xã Bồng-lai, huyện Quế-dương, phủ Từ-sơn. Đỗ năm hai-mươi-tám tuổi. Làm quan đến hữu-thị-lang (chép theo bia Văn-miếu, *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 11 b, và *Đăng khoa bị khảo* quyển *Kinh-bắc*, tờ 10 b).

2. — Nguyễn-tổng-Tây, người xã Thi-hoạch, huyện Thiên-lộc, phủ Đức-quang. Đỗ năm hai-mươi-tám tuổi. « Năm Hồng-đức thứ nhất (1470), ông quyền coi việc phủ Phụng-thiên, cấm nhà bếp các quan lấy không và mua rế đồ vật của binh-dân. Dân được nhờ nhiều. Dần dần thăng làm thừa-chánh-sứ. Vả lại ông là người dũng-lực nên kiêm-quản chức đô-lực-sĩ. Thăng bước đường mây, là người trước nhất ở huyện này » (dịch ở quyển *Đăng khoa bị khảo*, thu tập trung, tờ 1 b).

3. — Phạm-tử-Nghi, người xã Bảo-đà, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên. *Đăng khoa bị khảo* quyển *Son-nam*, tờ 14 a, nói có chỗ chép là người xã Thi-trung. Làm quan đến Hình-bộ tả-thị-lang.

4. — Nguyễn-bá-Kỳ, người xã Văn-nội, huyện Chương-đức, phủ Ứng-thiên. Làm quan đến bị-lang. Là em Nguyễn-bá-Ký: huynh đệ đăng khoa (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 12 a)

5. — Chu-Lộc, người xã Phù-vân, huyện Đường-an, phủ Thượng-hồng. Làm quan đến hiến-phó-sứ (*Đăng khoa bị khảo*,

quyển *Hải-dương*, tờ 11b)

6. — Đỗ-bá-Lược, người xã Vĩnh-kỳ, huyện Từ-liêm, phủ Quốc-oai. Đỗ năm hai-mươi-tám tuổi. Làm quan đến thừa-chỉ (*Đăng khoa bị khảo*, thu tập thượng, tờ 2 b).

7. — Đào Bảo, người xã Gia-kiều, huyện Phù-vân, phủ Thượng-tin. Làm quan đến thừa-chánh-sứ (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 12a).

8. — Phạm bá-Ký người xã Canh-hoạch, huyện Thanh oai phủ Ứng-thiên. *Đăng khoa lục* (quyển 1, tờ 12a) chép ông làm quan đến Binh-bộ thượng-thư. *Đăng khoa bị khảo* (quyển *Son-nam*, tờ 14a) chép là Nguyễn Bá-Ký, làm quan đến Lại-bộ thượng-thư, nhưng cũng chép là người làng Canh-hoạch, chứ không phải làng Văn-nội hay Huân-nội là làng ông Nguyễn Bá-Ký và Nguyễn Bá-Ký chép trên kia. Phạm Bá-Ký sinh ra Phạm Đức-Lượng, Đức-Lượng sinh ra Khuông-Lễ: ba đời cùng đỗ.

9. — Trần văn-Thiện, người xã Phú-lý, huyện Đông-sơn, phủ Thiệu-hóa. Đỗ năm hai mươi sáu tuổi. Có đi sứ. Làm quan đến Hình-bộ thượng-thư (*Đăng khoa bị khảo*, thu tập hạ, tờ 12a).

10. — Nguyễn-xuân-Dương, người xã Từ-minh, huyện Hoảng-hóa, phủ Hà-trung. Đỗ năm hai-mươi-bốn tuổi. Làm quan đến tri-huyện (*Đăng khoa bị khảo*, thu thập hạ, tờ 28a)

11. — Phạm-Lương, người xã Chi-nê-nội, huyện Tiên-du, phủ Từ-Sơn. Làm quan đến thừa-chánh-sứ. Là viển tồ Phạm-Trân (*Đăng khoa bị khảo*, quyển *Kinh-bắc*, tờ 17b).

12. — Đào tuần-Khanh, người xã Vũ-lăng, huyện Thượng-phúc, phủ Thường-tín. Làm quan đến thượng-thư và thừa-tuyên-sứ (*Đăng khoa bị khảo*, quyển *Son-nam*, tờ 8b).

13. — Nguyễn Tông, người xã Nghĩa-lô, huyện Thanh oai, phủ Ứng-thiên. Làm quan đến chức phủ doãn Phụng-thiên. Sinh ra Nguyễn Vũ và là tằng tổ Nguyễn Thuộc (*Đăng khoa bị khảo* quyển *Son nam* tờ 14a).

14. — Đào văn-Hiền, người xã Yên-bồ, huyện Từ-kỳ, phủ Hà-hồng. Vâng mệnh đi sứ. Làm quan đến Hình-bộ thượng-thư (*Đăng khoa lục*, quyển 1 tờ 12b *Đăng khoa bị khảo* quyển *Hải-dương*, tờ 42b chép là làng Yên-phổ). Còn nữa

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

Hộp thơ

Ô. T. H. G., Cần-thơ. — Tiếc rằng bài C. P. P. T. S. V. B. C. của ông không thể đăng được. Xin lượng thứ.

Đón coi :

Ban-mê-thuật, một thiên lý-ký của Biệt-Lam Trần Huy-Bá

Cải chính

Tri-Tân số 50, trang 17, cột 2, giòng thứ hai. — Xin chữa lại : «... Truyện Thúy Kiều mà nhớ rằng mình khéo dư nước mắt...»

Trang 17, cột 3, giòng thứ hai đến giòng thứ bảy. — Xin chữa lại : «... Cái điểm cốt yếu trong một đời đại danh sĩ, thì gia là điều này : thấu triệt, khái quát và phân tách tất cả con người vào lúc mà, bởi một sự giúp sức chậm chạp hay dễ dãi đôi chút...»

Trang 21, cột 2, giòng 16, Louis, chứ không phải Lous ;

Trang 21, cột 2, giòng 28 : (2).

Trang 21, cột 2, giòng 29 (juin 1801) : — Tr. 21, c. 2, gi 31, 1802 chứ không phải là 1805 ; — Tr. 21, c. 3, gi 2 và 7 Dương không phải là Dương ; — Tr. 21, c. 3, gi 27, Đạt chứ không phải Đạt ; — Tr. 22, c. 2, gi 41, Long Nhung chứ không phải là... phương. — Tr. 23, c. 1, gi 17 thừa 4 chữ « thuộc huyện Hòa-Vinh » — Cùng cột ấy (10) Tạm Phụ chứ không phải là Tam-Phục. Cột gi 17 là Bentre chứ không phải Bentré ! Cho (27) là Brosse chứ không phải Brossé.

Phê-bình

« TRIẾT-HỌC BERGSON »

của Lê Chí Thiệp

KIỀU THANH-QUẾ

Xuất thân nơi sân Trình cửa Khổng, đa số nho-sĩ xứ ta ngày xưa và cả chúng ta ngày nay nữa, sẵn có bộ óc thực-nghiệm cố-hữu hồ đồ mấy ai thấu triết được trong thoáng chốc những thuyết siêu-hình, huyền mặc. Nho-sĩ xứ ta có quan niệm nhị-nguyên (Dualisme) về vũ trụ: thảo nào ta có bao giờ được nghe một cụ đồ nho thì sĩ xứ ta khâu chiếu hay viết nên đôi câu thơ na ná như thế này đâu: « Vũ trụ với ta là một... » hay đời ta như thể chén nước mà vũ trụ là con sông dài... đem chén nước phả vào con sông ấy, thì dẫu ai có cúi xuống nhìn cũng không tài nào phân biệt được ! »

Phải là một bậc thi hào—như thi hào Tagore là cây bút viết ra những giòng sau này chẳng hạn — có quan niệm nhất-nguyên (monisme) về vũ trụ, mới khả dĩ đi sâu vào được những thuyết siêu hình huyền mặc, vạn vật nhất thể.

Hiển được dễ dàng một triết học như triết-học Bergson, một thuyết như thuyết trực-giác của Bergson, hẳn phải là hạng người sau này — hạng người có quan-niệm nhất nguyên về vũ trụ. Bergson tuy sanh sau Tagore đôi năm, nhưng triết-học Bergson với tư tưởng Tagore vẫn có chỗ dị đồng. Về rõ những chỗ

dị-đồng ấy chúng tôi đã có một tác phẩm (quyển *Thi hào Tagore*) sắp xuất bản. Ở đây, chúng tôi chỉ muốn tỏ rằng hiểu Tagore cũng như hiểu Bergson, không phải là chuyện dễ. Ngay như văn hào André Gide, khi dịch tập *Tặng thần ca* (*L'Offrande lyrique*) của Tagore cũng phải thú nhận rằng: « tôi chỉ nhận thức được vẻ đẹp của thơ Tagore thôi, chứ hiểu thơ Tagore vị tất tôi đã hiểu. »

Một người bạn của chúng tôi, hồi ở Pháp thì cử-nhân văn chương có viết một bài luận dài về triết học Bergson đối-chiếu với thuyết của Schopenhauer. Bạn tôi đã đậu cử nhân với bài luận ấy. Thế mà ngày nay, bạn tôi vẫn chịu rằng không hiểu nổi Bergson.

André Gide không hiểu Tagore ! Bạn tôi, sức học cao kiến hơn tôi, không hiểu Bergson ! Thử hỏi tôi làm sao hiểu nổi triết-học Bergson mà hòng nói chuyện với bạn đọc hôm nay ?

Ôi ! chẳng qua là một trò hí ngôn lộng bút đó thôi.

..Tội tôi, nếu không phải vì muốn mạo muội nổi đầu với công việc của tác giả *Triết học Bergson*, thì đáng kết án lắm ! !

Giảng về trực-giác của Bergson, Lê Chí Thiệp giản dị và minh bạch

lắm. Nhưng ông thiếu những sự đối chiếu (rapprochements), thành thử những lời bàn giải của ông lửng lơ không có căn bản chắc chắn.

Ước gì ông vừa bàn về « trực giác » của Bergson, lại vừa nói chút đỉnh đến « trí lương tri » của Vương Dương Minh thì hay biết mấy. Chỗ dị-đồng giữa Vương Dương Minh và Bergson, cũng như chỗ dị đồng giữa Bergson và Tagore, chắc hẳn là không phải không có !

« Sau Vương Dương-Minh, như lời ông Aurousseau ở trường Viễn đông Bác cổ Hanoi, bảo nền triết-học nước Tàu như ngọn đèn đã tắt ; ánh sáng còn đâu ? » Tôi chỉ nhớ mà chép đại khái như thế không biết có được đúng không ? Nhưng theo Aurousseau, thì Vương Dương Minh là một triết-học đại gia cần phải nói đến trong bất kỳ trường hợp nào liên hệ đến ông. Tác giả *Triết học Bergson* quên nghĩ đến Vương Dương-Minh ! Tưởng cũng là một điều đáng tiếc !

Phê bình nền triết học nước Tàu, hình như cũng chính ông Aurousseau bảo, trước Vương Dương-Minh còn có Lão tử.

Thế nghĩa là : triết-học Vương Dương Minh với triết học Lão tử vẫn có chỗ dị đồng nhau.

Mà nếu khả dĩ đem đối chiếu triết học Bergson với triết-học Vương Dương-Minh được, sao lại chẳng thể khi nói đến triết-học Bergson nói luôn đến triết học Lão tử ?

Bergson chú trọng trực giác, thì Lão tử nói đến quan năng.

Lão - tử sanh nhằm một thời đại chưa phát kiến ra khoa-học, chưa có kính hiển vi, gương phóng đại v. v., thảo nào chẳng lấy quan năng làm căn bản cho sự xét đoán : cái gì chẳng thể dùng quan năng mà hiểu được, đều cho là không có !

SẮP IN XONG

CHỦ NHỎ HỌC LẦY

Cử-nhân DƯƠNG BÁ-TRẠC soạn

ĐÔNG-TÂY thư quán, 195 hàng Bông Hanoi xuất bản

Mỗi quyển giá 1p00 cước 8p18 —

Các hiệu sách các nơi nên đặt mua từ bây giờ

Triết-học Lão tử, đối với vũ trụ, là một ức thuyết như bao nhiêu ức thuyết khác. Nhưng đã hơn hai ngàn năm nay, khoa học phát đạt cực điểm, mà thiên hạ vẫn chưa ai dám quả quyết bảo triết học Lão tử là một học thuyết xa hẳn thật tế. Vì đối với căn nguyên và sự cấu tạo của vũ trụ, thiên hạ vẫn chưa ai tìm được cái gì khác khả dĩ gọi là sự thật được!

Triết học Bergson, tuy chỉ chú trọng có trực-giác, vẫn không phải là một học thuyết xa sự thật. Trong bài «Tiểu dẫn», Lê Chi-Thiệp bảo «học thuyết Bergson gần sự thật, sự sống hơn hết». Trong chương thứ hai, tức là chương bàn về Trực-giác pháp, Lê quân lại thuật:

«Trong một cuộc tranh biện về triết học, vì không hiểu cái thâm ý của Bergson, khi ông dùng đến tiếng «trực-giác», nên có người cho rằng triết-học của ông là một triết-học thiên về thần-bí (mysticisme). Ông Bergson trả lời như vậy: «Nếu định nghĩa chữ thần bí là một cách phản động lại với khoa học thực-nghiệm, thì học thuyết của tôi từ đầu chí cuối, chỉ là một sự phản kháng cái thần bí đó, vì học thuyết tôi cố

tìm cách nối lại cái cầu bắc ngang giữa siêu hình học và khoa học, cầu ấy đã đứt từ đời nhà triết học Kant... Còn nếu định nghĩa chữ thần bí là một cách kêu gọi đến nội-tâm sinh-hoạt thì chẳng những học thuyết của tôi, mà triết học nào cũng là thần bí cả».

«Không nên lầm tưởng, vẫn lời Lê-quân, rằng trực-giác là một phương pháp dễ dàng, không cần đến sự suy nghĩ sâu xa một nhọc của trí não. Trực-giác là một phương pháp nhận thức, biết hẳn ra ngoài lý trí, nhưng không phản trái với lý trí. Thực-tại nào mà trực-giác đã tìm ra cũng có thể dùng lý-trí để kiểm nghiệm xem xét lại. Thế thì tiếng «trực-giác» đây không phải theo nghĩa thông thường, chỉ một cách ước đoán, một sự cảm giác thuần thuộc về chủ quan, một cái tâm trạng thuộc về tình cảm đâu. Trái lại, đó là một cách suy nghĩ, một cách chú ý thâm trầm, không thiết đến sự hành-dộng ở ngoài, bỏ cả những tiếng nói và lý luận thường đề mà trực tiếp cảm xúc lấy cái chân tướng.»

Trực-giác của Bergson là trực giác suy lý (intuition discursive). Nó có khác với trực giác của nhà Phật, là trực giác thần bí (intuition mystique).

Đức Thích-Ca lúc mới dời bỏ hoàng cung tầm đạo, hiểu lầm rằng muốn được chóng đắc đạo, tất phải khổ hạnh nhiều. Nhưng mãi đến khi hình thể đã suy nhược mà chánh đạo vẫn chưa tìm ra được, bấy giờ ngài mới tự nghĩ: tu theo khổ hạnh là lầm lạc! Đi đến bờ sông Ni-lên (Nairandana) ngài gặp được hai cô bé chăn trâu là Nan Đà và Ba La đem một vá sữa cho ngài dùng. Dùng xong thấy khỏe lại, ngài xuống sông tắm, càng thấy trong người thêm khoan khoái.

Từ đó quyết tâm bỏ điều khổ hạnh vô lối đeo đuổi trong 6 năm lầm lạc, đức Thích-Ca đến ngồi dưới cội Bồ đề ở bãi tha-ma, tham thiền

nhập định, giữ lấy «trung đạo» là con đường giữa, không say mê sự đời, dùng trực-giác noi đến lẽ nhiệm-mầu của đạo lý. Ngài đắc đạo nhờ trực-giác. Nhưng cái trực-giác của ngài thần bí lắm. Mãi đến nay các cao tăng xứ ta vẫn lúng túng không cãi nghĩa rõ ràng.

Trái lại, trực giác suy lý của Bergson có thể giảng giải hiểu được. «Đứng bên vệ đường, Lê Chi-Thiệp thuật, ngó một cái xe hơi chạy thật mau trên con đường tráng nhựa. Vịn theo hai hàng cây mọc hai bên đường, ta có thể đoán sự mau của cái xe. Biết tốc-độ cái xe như thế là biết theo cách ngó. Còn nếu ngồi trên cái xe hơi đó, ta cũng vịn theo hai hàng cây mà đoán; nhưng sự hiểu biết của ta bây giờ khác với sự hiểu biết hồi nãy. Ta biết một cách trực tiếp, đầy đủ với bao nhiêu là cảm giác!»

..

Bàn luận về triết học Bergson, quyển sách ra đời mười mấy năm về trước có lẽ hợp thời hơn. Vì bấy giờ, triết học Bergson đang thịnh hành. Chớ bây giờ, triết-học Bergson cơ hồ đã nguội lạnh như đồng tro tàn.

Muốn gọi đồng tro tàn ấy lại bốc lên thành khói lửa, phải đem đôi chiếu triết học Bergson với một vài học thuyết của Đông phương đối-đồng với nó.

Việc làm của Lê Chi-Thiệp là việc đầu tay. Chả trách nó hơi khô và suông!

Sau Lê quân, học giả nào biên-tập về triết học Bergson nên làm sống triết học ấy thêm một chút. Làm sống bằng những sự đối chiếu mà chúng tôi đã mạo muội trình bày. Đó là còn quên kể sự đem đối chiếu quan niệm về chiêm-bao của Bergson với quan-niệm về chiêm-bao của Freud.

KIỆP THANH-QUỖ

Đón xem

Tôn Thọ Tường

một danh-sĩ đất Đồng-Nai
(1825-1877)

KHUÔNG-VIỆT biên soạn
THIỆU-SƠN đề tựa,

«... Một công trình có giá trị
«về lịch sử và một tấm gương
«tiết tháo để soi chung».

Nhà NGUYỄN-KHÁNH-ĐÀM
12, Rue Sabourain, Saigon
phát hành.

Về Phật-học, cuốn *Khóa-hư* của vua Trần Thái-Tông (1225-1258) là một tác-phẩm rất có giá-trị. Nó được lưu hành suốt trong Thiên gia từ xưa đến giờ.

Trong tập *Khóa-hư* ấy tác giả vì bốn đoạn trong một đời người ta—sinh lão, bệnh, tử—giống như bốn cái núi: núi thứ nhất là *sinh-tướng*, núi thứ hai là *lão-tướng*, núi thứ ba là *bệnh-tướng*, núi thứ tư là *tử-tướng*. Rồi tác giả đem bốn cái «núi» ấy của người đời ví với bốn mùa xuân, hạ, thu, đông của Tạo-hóa: Mùa xuân thì sinh ra, mùa hạ thì lớn lên, mùa thu thì thu lại, mùa đông thì cất-giấu, đổi thay luân chuyển, không biết thế nào là cùng.

Bây giờ muốn giữ được bản-tâm, biết được chính-đạo, tranh được cái khổ của tam-dở (1), khỏi mào vào cái quý của lục căn (2) thì người ta phải sam-hoá đời trước, vượt qua sau. Mục-dịch sách *Khóa-hư* này ra đời là cốt khuyên người ta phải chăm tu sám để mong siêu thăng, khỏi luân quần trong vòng bốn «núi» ấy.

Tại sao đặt nhan là «*khóa-hư*»?

«*Khóa*» là «*cổng khóa*»; «*hư*» là «*rỗng sạch*». «*Khóa-hư*» nghĩa là là rỗng sạch cõi lòng để tâm tâm niệm niệm như mây nhưng lời dạy trong công khóa hằng ngày. Ý tác giả cho rằng lòng nên rỗng sạch (hư), nhưng thì giờ và công khóa không nên bỏ rỗng một chút nào. Cho nên, trong kinh *Khóa-hư* khuyên người ta, mỗi ngày đem, nên định thì giờ mà tham thiền: ban đầu thì chúc hương, khai bạch; thứ đến sám hối, khuyên thỉnh; cuối cùng thì hồi hướng, phát nguyện. Từ sớm đến tối lúc nào cũng ăn-căn, chăm chỉ, dốc chí tu-trì, mới mong qua bốn núi, vượt biển khổ được.

Cứ như bản *Khóa-hư* in mộc bản hồi hạ-luân (tháng 9, năm canh-ti đời Minh mạng (1820-1840)), thì nội-dung sách này chia làm ba quyển: thượng, trung, hạ.

Quyển thượng, từ từ 1-9, nói về bốn núi, theo sau mỗi «núi» có một bài pháp đem bằng văn vần ngắn và một bài kệ bằng lời thơ thất ngôn bát cú.

Hết bốn núi, đến bài *phổ thuyết sắc thân*, luận chung về cái thân sắc tướng của người đời chẳng có gì đáng trọng cả; vậy sao người ta không chịu theo gương Tạm Thánh là Không, Lão và Thố tôn (Phật) coi nhẹ xác thịt mà trọng lấy cái đạo là phần tinh-thần? Rồi đến bài *Phổ khuyến phát Bồ-đề tâm* là cuối quyển thượng, tác-giả kêu gọi mọi người nên mở lòng Bồ-đề, phân chia, hồi quay, để được kiến lập, thành Phật. Tức như «*chỗ núi xanh thấp thì thấy trời rộng mênh-mông; lúc sen nở thì ngửi thấy nước thơm ngào ngạt*». (Thanh sơn đề xứ, kiến thiên khoáng; hồng ngâu khai thì, văn thủy hương).

Quyển trung từ từ 1-11, bắt đầu bằng bài *Dẫn thì cảnh sách chúng kệ*, nghĩa là bài kệ từ giờ dẫn (khoảng 5, 6 giờ sáng) khuyến răn thúc giục mọi người; cuối là bài *thử thì vô thường kệ*, trong nói bày giờ thân đời người đời đã đến lúc sắp chìm ngập, mặt trời gác núi sắp lặn, không sao tránh khỏi cái cảnh «*vô thường*», tức là «*cái chết*» xốc xếch kéo đến. Vậy khuyến người ta nên đi theo đường chính, chớ để lạc vào rừng ta hổ «*không đại đến về ba thước đất*» không sao hồi kịp!

Quyển hạ từ từ 1-12, mở đầu bằng bài *Hoàng-hôn khuyến chúng kệ*, tức là bài kệ buổi hoàng-hôn răn mọi người. Cuối-cùng là bài *Khuyến chúng kệ*, tác giả có ý dùng làm một thiện kết-thức. Đại ý: Sinh, lão, bệnh, tử là cái lẽ thường ở đời. Người ta muốn cầu giải-thoát, thoát lạt buộc, cởi gầy trói thì phải cầu pháp Phật và đạo Thiên. Nếu mê hoặc mà không biết đường cầu thì khác nào con người lấp miệng còn biết nơi gì nữa!

Sau ba quyển trong kinh *Khóa-hư* đại ý tác-giả dạy rằng người ta sợ ai phải mắc trong vòng bốn quả núi «*Sinh, Lão, Bệnh, Tử*» mà không thoát ra được, là chỉ vì có những cái *nhân căn*, *nhĩ căn*, *tị căn*, *thiệt căn*, *thân căn* và *ý căn*, tức là sáu căn (lục căn) mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý đều bước theo đường là, phạm vào tội ác.

Bởi, cái *nhân căn* chỉ mê về sắc

đẹp, tối về tiền tài, không chịu bỏ lấy một giọt nước mắt vì tang tóc hay nỗi đau thương của bà con hoặc người khác! *Nhĩ căn* chỉ ưa lời tà, thích tiếng dâm, vui cùng bạn rượu bê hoa thì-thầm to nhỏ, bịt tai trước những lời trung, hiếu, không thêm nghe việc tốt, điều hay.

Tị-căn không biết yêu mùi chân hương thanh sạch hay mùi hương trầm mờ tỏa ở trước Phật-đài, song chỉ đánh hơi thì cá ở cửa hàng, vị tanh hôi ở xô bếp, hám cái mùi lạ hơi kỳ, lẫn lộn với phần hương của hoa đường liền ngửi, như lợn đắm trong vũng bùn, chẳng sợ gì dơ dáy thối tha!

Nói đến *thiệt căn*, tác-giả kết tội rằng chỉ vì «*ba tắc lưỡi*» mà bao nhiêu chúng-sinh bị giết hại! Thường thấy người đời hay lấy nê thất khách-khứa, cuối con cái, rồi tha hồ sát sinh, bừa bãi ăn uống, cười nói há-hở trước những tiệc-tùng dần béo mỡ ngấy! Do đó gây ra cái tính giận sát làm cho chim, muông, cá mù không được yên vui! Đó chính như câu thơ cổ đã nói:

«*Dục tri thế thượng bình đao kiếp, Tu hành đồ môn dạ bán thanh*!» (3)

Chẳng những vậy, chính cái lưỡi ấy lại thêm dẹt thì phi, mắng chửi can bậy, gây thanh những tội-ác vô lượng, vô biên!

Nhờ tính cha, huyết mẹ, được thành hình-hài thân-thể, người ta quên đời thân mình là «*pháp thân*», lại đi làm những việc can bậy như sát (giết), đạo (trộm cướp), dâm, phạm vào «*tam nghiệp*»: đó là tội của *thân căn*.

Phạm những ý xấu như ghen-ghét, bừa-xỉn, tham-lam, giận-dù dằn là những tội của *ý căn* cá. Của-cải như nước non, con cơ bực-nộ bóc-lột người khác; theo lửa dâm dục, không chịu cứu giúp người nghèo: đó là *tham nghiệp*. Rồi nưng nói càn, dối trá cả rêu «*hóa-*

khí»; do ý ác phát ra lời ác, làm hao vật, hại người: đó là *xân nghiệp*. Không biết phân-biệt thiện ác, không suy-xét, không nghĩ-ngợi, quên ơn, phụ nghĩa, trài dức, lừa nhân: đó là *xi nghiệp*. Hợp những cái *tham*, *xân*, *xi* ấy thành ra những tội về ý căn.

Sau khi đã giải bày cho người ta biết những tội của sáu căn ấy là những cơ xui nên cuộc đời rối loạn và loài người khổ-sở, tác-giả thiết-tha khuyến đời nên hồi tâm hồi lỗi, hăng-hái tinh-tiến, mới mong giải-thoát được. Đó là yếu-chỉ của kinh *Khóa-hư*, mà cũng là tôn-chỉ của thiền-tông do vua Trần Thái Tông-xướng.

Xét ra: giáo-ly ấy tuy chỉ là những lời tuyên-dương Phật-pháp theo trong kinh tạng của Thiên-gia, nhưng lập ngôn có tôn-chỉ, xếp đặt có thứ-tự, thì dù nói *Khóa-hư* là một tác-phẩm về triết-học của vua Trần-Thái Tông cũng không phải là quá đáng.

Con ve mặt van-chương, kinh đó tỏ cho ta biết tác-giả viết văn biện ngẫu rất già và làm thơ rất cao, sâu, hùng bay. Chẳng hạn như:

«*Oan hạc thôn thanh ư huệ trường; Ai viễn trường khue ư tưng quan!*» (Khóa-hư, quyển hạ, tờ 5b)

Dịch:
Bên chương huệ, hơi hạc nghẹn-ngao oan...
Trước cửa thông, tiếng vọng rền rĩ tương!

Và:
«*Ám thối lân phát bạch! Tiêm cải cự nhan hồng!*» (Khóa-hư, quyển trung, tờ 4 a)

Dịch:
Ngậm giọt tóc mới trắng!
Dần khác má xưa hồng!

«*Bất năng khan nguyệt khởi, Uy ai luyen hoa cư!*
Mê thất gia thiên lý,

Do tham thặng nhất dư!

(Khóa-hư, quyển hạ, tờ 8b)
Dịch:

Trăng lên, chẳng biết dặng xem,
Còn vương quăn-quít, mắt thêm bên hoa!

Dặm nghìn đi lạc quê nhà,
Còn tham một giấc ngủ thừa cho say...

Cứ lệ mấy câu đề đọc-giải biết sơ cái giá-trị văn-chương của kinh *Khóa-hư*, ấy là chưa kể những câu thơ văn trong kinh đó có cái công-dụng đem những sự vật cụ-thể mà biện-dẫn được những ý nghĩa trừu-tượng.

Còn cái nguyên - động - lực đẩy vua Trần Thái viết được kinh *Khóa-hư*, tôi tưởng, một vì cảnh-ngộ trong gia-đình, hai vì hoàn-cảnh trong xã-hội.

Đối với việc Lý Chiêu-hoàng và việc An-sinh - vương Trần Liễu, bản tâm vua Trần Thái chắc không đến nỗi có những hành-vi phụ tình, nhẫn tâm ấy. Ngặt vì quyền-bính bấy giờ vào cả một tay Trần Thủ - Độ, vua Trần Thái không đủ sức giá-ngự nổi, nên bất-đắc dĩ phải nhắm mắt làm theo ý muốn của ông chủ độc-tái. Sau trải qua những phút khủng-hoảng về tinh-thần, nhà vua cảm thấy cuộc đời rỗng không, nên muốn đi tìm lấy nơi tuyệt - đỉnh trong đời lý-tưởng, đời hình-nhĩ-thượng.

Thêm vào đấy, những biến thương và tập quán của vua nhà Lý — vua nào cũng che cánh hổ mui miện mà mặc cả sa, lụa long-sáng mà ngồi nệm cỏ là cao quý — vẫn in sâu vào trí-não người đương thời, càng dễ kích-thích tâm lòng mộ đạo của tác-giả *Khóa-hư*. Vì chịu ảnh-hưởng của xã-hội như thế, vua Trần-Thái rất dễ thành công trong tác-phẩm này. Vậy có thể nói: *Khóa-hư* là con đẻ của thời đại ở cuối Lý đầu Trần.

Muốn biết rõ chỗ cao thâm của vua Trần-Thái, ta phải để tâm suy-ngĩ những lời ngài đáp lại người ta hỏi đạo trong khi ngài nằm trên giường bệnh:

«*Hi! Ngài so mình, vua Trần-Thánh (1258-1278) vào thêm, nhân hỏi ngài về đạo Phật;*

— «*Chân không*» với «*ngao không*» là đồng hay dị?

Vua Trần Thái nói:

— Tự lòng «*mê*» hay «*ngộ*», nên có «*chân*» và «*ngao*» khác nhau! còn hư-không vẫn là một. Ví như cái nhà ở: mở cửa ra thì sáng, đóng cửa lại thì tối. Sáng, tối đều có khác nhau, nhưng cái nhà vẫn chỉ là một.

Bữa sau, Đại-Đẳng quốc-sư vào vấn an, hỏi ngài:

— Bệ-hạ mắc bệnh đấy ư?

Vua Trần Thái đáp:

— Tâm thần tứ đại (4) vẫn là bệnh đời, còn cái ấy (chỉ chân tính?) nguyên-ai đối với sinh tử còn chẳng dính-dàng gì đến thay, huống chi là bệnh?

Sau đó vài ngày, ngài lặng - yên không nói, xua mọi người bên tả hữu lui ra, giới-giăng việc nước cho con là vua Trần Thánh-Tông.

Vua Trần Thánh muốn sai hai quốc-sư Phù-Vân và Đại-Đẳng vào diễn cái phép xuất-thế-gian.

Vua Trần Thái lớn tiếng nói:

— Đến lúc này, bít đi được mấy tấc nào thì dường như cắt được cái nhọt trên thịt; thêm vào mấy tấc nào thì khác nào róc bụi vào mắt. Phù-Vân ban huyền, Đại-Đẳng nói diệu, đều là lời lừa cá, có ích gì đâu!

Rồi ngài lìm-lìm mà tịch ở Vạn-thọ cung, giữa ngày mồng một, tháng tư năm Bào-phù thứ năm (1277) đời vua Trần Thánh-Tông, tăng Chiêu-lãng.

Theo như *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, Trần kỷ, quyển 5, tờ 35 b đã chép, thì ra vua Trần Thái biết trước được kỳ chết của mình: «*Năm trước (1276), một hôm, ngài chợt báo tá hữu rằng: Tháng tư sang năm (1277), ta sẽ chết. Đến bây giờ qua đúng*».

Có thể kết luận: vua Trần Thái-Tông là bậc anh-quân, tài gồm văn võ, đa giỏi hân-mặc, hay từ-tào, lại hơn người ở chỗ siêu tran, thoát tục, được cao được đến tận não đại-thừa của Thiền-gia. Một tập *Khóa-hư* đủ góp vào văn học giới một áng văn bất-hủ.

(Tham khảo: *Khóa-hư* thượng, trung, hạ, *Thánh đẳng ngữ lục*. *Đại Việt sử ký toàn-thư*, quyển 5...)

(xem lời chú ở trang 18)

Nguyễn-vương Anh ở Phú-Quốc

Trời Phú-quốc « mây lồng man mác »
 Biển Tiêm-la sóng bạc trùng trùng
 Hoang mang ai vô nên lòng ?
 « Trời ơi hăm khách anh hùng làm chi ! »
 Trải mấy độ gian nguy lưu lạc,
 Cảnh hoang gia tan tác, rơi châu.
 Xa lìa kẻ trước người sau,
 Nuốt thương lý-biệt, ngậm sầu tử sinh.
 Mang quốc-hận, gia-tình: hai mối;
 Lòng nam-nhĩ một khối kiên trung.
 Lẽ đâu đời cứ náo lòng ?
 Kinh ngư ắt phải vẫy vùng biển khơi.
 Đành tâm sự một trời đông ám,
 Thoáng hình hài đôi đám mây qua.
 Mất sầu trang sóng Tiêm-la,
 Mịt mùng nào biết đâu là Bến Yên !
 Ngoảnh xem lại khuất miền Đông-phố,
 Đoái trông vời dấu Thỗ-châu (1) xa.
 Trời bao la, biển bao la,
 Hải-âu lẫn vời sương là là bay;
 Cảnh hi-vọng hăng say cao cả,
 Vụt tung trời, mây lá tả rơi.
 Thuyền ngoài mấy lá chời vời,
 miến khơi, vượt miến khơi muôn trùng.
 Gương nhũn-nại, anh-hùng say mắt,
 Mặ sóng xao vẩy thất bãi bờ !
 Tưởng về Thanh-hóa xa xưa
 Tống-sơn (2) miến cũ bây giờ còn ghi.
 Nhớ lời bậc tiên-tri thuở nọ,
 Trình quốc-sông ban rõ ân-cần:
 Nước non bền vững vô ngần.
 « Hoành-sơn một dải, dung thân muôn đời (3) »
 Khởi vương-nghiệp dưới trời Thuận-hóa
 — Hai châu xưa ngang giá Huyền-trân.
 Anh hùng kế tiếp cao chân,
 Đạp lụi Chân-lạp, xéo tan Chiêm-thành.
 Thoạt Thái-tổ kinh kinh Nam tiến,
 Gió mùa lên một biển cơ đồ,
 Buồm cao kéo tự Tây-đô,
 Toán thuyền đi, sóng tung hô lấy lừng.
 Cờ phấp phới tung bừng vẩy gọi,
 Ánh dương xa chói lợi rạt rào.
 Sóng thần gục cúi nao nao,
 Gió cao, cờ phất càng cao, uy hùng.
 Gót anh dừng trái vùng hoang địa,
 Gan xiêu phàm, tráng-sĩ nào xiêu,
 Không pha nắng búa mưa riu,
 Một hiên ngang với một liều gian nguy,
 Hoành-sơn đứng dựng bia muôn thuở,

Biển ngàn năm ghi nhớ vết thuyền.
 Ngắm gương tiên tổ di truyền,
 Nguyễn-Vương phút bỗng sạch phiền lao lung.
 Dương mắt lạng trắn vùng Tiêm-hải,
 Hồn quên hương bằng mãi non ngàn.
 Giang san này vẫn giang san,
 Hai trăm năm lẻ bền gan anh hùng.
 Cây « Nguyễn » đã vững trồng sâu gốc,
 Sá hề chi gió lốc mưa ngâu.
 Cơ đồ hứa hẹn nghìn thu,
 Xưa đã gây dựng, nay lo bảo toàn.
 Nhớ đạo trước thuyền toan ngập sóng.
 Bổng giao-long hùng dũng nhô lên (4);
 Theo kẻ hộ vệ bình yên,
 Lại « dòng nước ngọt », (5) giữa miền biển khơi.
 Bước lưu lạc có trời che chở,
 Vạn hưng-thắng gặp-gỡ còn nhiều,
 Trời đông mặc gió diu hiu,
 Lòng nam-nhĩ vẫn lên 'điều hay hay'.
 Cảnh hi-vọng hăng say cao cả,
 Tưởng tung giời, mây lá-tả rơi,
 Trông về lối cũ xa khơi:
 Hoành-sơn đứng sừng ngang trời dựng bia.
 Thời-gian mặ năm chia thặng cách,
 Lâu dài dù nát gạch tan rêu
 Muôn năm dòng Nguyễn hùng kiêu;
 Khắp Nam-Bang đã cảm nêu Nguyễn-Hoàng,
 Xưa đã vững, nay càng thêm vững
 Xưa dựng rồi, nay dựng thêm lên.
 Cơ đồ khôi phục bình yên
 Giang-sơn thống nhất thông liên Bắc Nam »
 Được như vậy mới cam hoài bão
 Xứng như lời quốc-lão tiền nhân:
 Giang-sơn vững chãi vô ngần;
 « Hoành-sơn một dải, dung thân muôn đời ».

PHAN-KHẮC-KHOAN

1) Thỗ châu — Poulo Panjang.

2) Huyện Tống-sơn thuộc phủ Hà-trung, Thanh-hóa. Nguyễn-Hoàng và Nguyễn-Anh đều sinh tại làng Gia-miêu (bây giờ là Quí-hương) ở huyện ấy.

3) Dịch câu « Hoành-sơn nhất dải, vạn đại dung thân » của ông Trương-Trình trả lời khi Nguyễn-Hoàng hỏi về vận-mạng mình. Câu dịch ấy chính là câu chúng tôi đã ở đầu bài về kịch dài bằng thơ: « Nguyễn-Hoàng I Nguyễn-Hoàng II », và 2/3 lời (về đoạn sau) trong bài này đều phỏng theo lời trong hai vở kịch ấy.

4) Thợ ra thì chỉ là một con cá sấu hiện lên lúc Nguyễn-Vương từ sông ông Đổ định đi ra đảo Thỗ-châu, bỗng gặp thuyền Tây-sơn vẫy đuôi.

5) Một lần đi ra ngoài biển khơi, hết nước hồng, Nguyễn-Vương khấn trời, bỗng thấy dòng nước ngọt.

Hữu quân

NGUYỄN VĂN-NHÂN

(1752-1822)

NGUYỄN TRIỆU

Nguyễn Văn-Nhân, (1a) là người huyện Vĩnh-an, (1b) tỉnh An-giang (2).

Năm Giáp-ngọ 1774, vì có anh em Nhạc và Huệ dấy binh ở Tây-sơn, quan Lưu-Thủ Long-Hồ là Tổng Phúc-Hợp và cai-bạ Nguyễn Khoa-Thuyền truyền hịch mộ quân cần-vương (3) để đi dẹp loạn.

Bấy giờ Nhân mới 22 tuổi, bèn ứng mộ ra làm đội-trưởng, suất lĩnh 4 đội tân-binh đóng ở Văn-phong.

Sau Nguyễn Khoa-Thuyền hộ giá chúa Duệ-Tôn 4 vào Gia-định, thì Nhân lại thuộc dưới quyền quan đốc-chiến tên là Kiên, theo ra đánh giặc ở hòn Tam-sơn. Rồi ông Kiên bị giặc bắt, Nhân chạy về được, lại theo Tổng Phúc-Hòa giữ ở Ô-cam.

Năm Đinh-dậu (1777) chúa Nguyễn Ánh khởi binh ở Long-xuyên, Nhân lại cùng với quan Diên Khiển Dương Công-Trường ứng nghĩa ở Sadec.

Năm Mậu-tuất (1778) Nhân được thăng làm Cai-cơ. Đến năm Nhâm-dần 1782 phụng mang ra đóng quân ở Thủ-thiểm, bị quân Tây-sơn vào đánh úp, quân nhà Nguyễn thất-lợi, Dương Công-Trường bị giặc bắt được. Sau Công-Trường lại trốn về được, rồi Nhân cùng Trường đem quân bản bộ vượt bể trốn thì vừa gặp Nguyễn-Tân, Lê-Thượng ở Xiêm về. Mọi người cùng nhau đưa binh đi Long-xuyên đánh giặc rồi Trường sai Nhân sang Vọng-các tàu chuyển với Nguyễn-Vương.

Đến khi Nhân về thì Công-Trường đã bị giặc bắt được, giết rồi, nên Nhân lại ra đảo Giang-khảm theo Hoàng Tiến-Cảnh.

Mùa thu năm Đinh-mùi 1787 Nguyễn-Vương ở Xiêm về, Nhân lại thuộc dưới quyền Tôn-thất Huy.

Trận thất-lợi ở Ngã Ba Lai (5),

Vương sai Nhân lên về Sadec để chiêu-tập những quân cũ, rồi Nhân được thăng chức Cai-cơ thuộc dưới quyền Tôn-thất Huy.

Năm Mậu-thận 1788, sau khi khắc phục Gia-định, Nhân được thăng Vệ-úy, rồi thiến làm Lưu-thủ Trấn-biên (6) kiêm lĩnh chức Trung quân dinh hữu-chí hiệu-áp.

Năm Quý-sửu 1793, theo Nguyễn-Vương ra Phú-yên, Nhân men đường bờ đánh giặc ở Lai-dương, bắt được thuyền chiến của quân địch rất nhiều, rồi lại rút quân về Phú-yên, đắp thành La-thai, chứa lương-thực để phòng giặc.

Năm Giáp-tý (1794), Thái úy Tây-sơn Nguyễn Văn-Hưng đến đánh Phú-yên, vì ít quân không địch nổi, nên Nhân phải rút lui. Chợt có chiếu-chỉ tới, sai hộ việc tải lương cho Diên-khánh theo Đông-cung Cảnh điều-khiển.

Sau quân Tây-sơn lại vây thành Diên-khánh, Nhân ra đóng quân ở Long-cương để kháng chiến. Khi đại binh nhà Nguyễn kéo đến thì quân giặc lại phải tự tháo vây mà chạy. Vương lại sai Nhân lĩnh chiến thuyền đi trước cùng với hữu-quân Nguyễn Văn-Trương ra đánh phá giặc ở cửa bể An-du rồi thừa thắng kéo đến cửa Đại-cổ-lũy mới về.

Năm Ất-mão (1795) quân Tây-Sơn lại kéo đến vây thành Diên-khánh nữa do tướng là Lê-Trung dẫn quân xâm vào Bình-thuận, sau khi đại binh đến cứu thì Vương sai Nhân đóng quân ở Tam-Độc để phòng giặc nên giặc phải bỏ trốn đi.

Vì có mệt nhọc lắm, nên Nhân dâng biểu xin nghỉ việc ít lâu. Nguyễn-Vương bèn lại cho làm lưu thủ Trấn-Biên.

Nhân thất học từ thuở bé. Từ năm

ngoài 20 tuổi chỉ mãi miết về việc chiến tranh, đến lúc làm lưu thủ đã 50 tuổi, bấy giờ mới kiếm thầy về dạy học. Mỗi khi rảnh việc quan thì Nhân lại chuyên tâm vào học tập, nên cũng biết qua loa được ít nhiều về sử sách.

Đến năm kỷ mùi (1799) Vương ra đánh Qui-nhơn, thăng cho Nhân lên Chuông cơ và sai ở lại giúp Hoàng-tử Hy (7) trấn thủ đất Gia-định và lại dụ rằng: «Người biết điều gì thì cần phải làm cho hết sức để giúp con ta». Nhân bái lĩnh lời dụ rồi chuyên việc tuần hành khắp các nơi huyện ấp, khuyến dân cấy, cấy nên trong xứ cũng được yên ổn làm ăn.

Năm Canh-thất 1800, trong khi thành Bình-định còn đang bị khốn Vương lại phải đem hết thủy-sư ra cứu thành và Nhân vẫn phải ở lại giúp Đông-cung giữ Gia-định.

Sau khi khắc phục Phú-xuân và đã lên ngôi Hoàng-đế, năm Gia-Long nguyên niên, Nhân được thăng làm Chuông chấn võ-quân quận-công. Cuối năm ấy, bình định xong Bắc-Hà, Nhân dâng số tàu xin thi hành 14 điều:

1. Định lại các thứ thuế,
2. Cầu người hiền,
3. Lập hương học,
4. Cữ người hiếu liêm,
5. Cải cách phong tục,
6. Định phép khoa cử
7. Cải cách hình phạt
8. Định sắc phục kẻ trên người dưới.
9. Đặt phép cho nghiêm việc quan lại.
10. Phát triển cho dân nghèo
11. Tiêu biểu người trịnh tiết,
12. Thăm định phép tắc.
13. Lập các nơi đồn trại
14. Bỏ những thuế tạp.

Nhân lại dâng sớ nói rằng :
 « Trĩ nước cốt phải có nhân tài,
 « hành chính không gì bằng giáo hóa.
 « Trước kia vận trời biến loạn, người
 « đất Gia Định phải bỏ việc học hành.
 « Nay non sông mới xây dựng lại,
 « bờ cõi thanh bình thì chính là lúc
 « phải nên giầy cho dân học. Vạy xin
 « đặt ra phép giầy, mỗi làng phải
 « chọn lấy một người có đức hạnh
 « văn học, tha hẳn cho dao dịch để
 « cho giầy giở con em trong làng.

« Cấm hẳn không cho rượu chè,
 « cờ bạc, hát xướng. hễ phạm các
 « điều ấy, các quan sở-tại phải trừng
 « trị. Như vậy thì rồi tất sẽ gập
 « nên được nhiều nhân tài ra giúp
 « nước và cũng không phụ lòng giáo
 « hóa của Thánh-Thượng».

Đức Gia-Long xem thấy khen
 cho là phải.

Năm mậu-thìn (1808) niên hiệu
 Gia-Long thứ 7, đức Cao-Hoàng đổi
 tên trấn Gia-Định lại là thành Gia-
 Định, với Trung-quân Nguyễn Văn-
 Trương về kinh và sai Nhân vào
 thay làm Tổng-trấn, lĩnh cả hai
 trấn Bình-Thuận và Hà-Tiên.

Cách mấy năm sau là năm nhâm-
 thân (1812) quân Xiêm sang xâm
 lấn thành La-Bích nước Chân-Lạp.
 Vua Chân-Lạp là Nặc-ông-Chân đem
 cả thế-nhi sang cầu cứu vua nước
 Nam. Nhân lại phải sai quan trấn
 thủ đồn Châu-đốc là Nguyễn Văn-
 Thụy đem quân đưa Nặc-Chân về
 Gia-Định rồi liền phải tâu việc ấy
 ra triều đình Huế.

Đến năm sau là năm quý-dậu
 (1813) Đức Gia-Long triệu Nhân
 về kinh và sai Tả-quân Lê Văn-
 Duyệt vào thay.

Sang đến năm Giáp-tuất (1814)
 Nhân thăng lên chức Chương-hữu-
 cơ kiêm thự Trung-quân ấn-vụ.

Đến năm Kỷ-mão (1819), Nhân lại
 phụng mạng vào làm Tổng-trấn
 Gia-Định thay cho Nguyễn Hoàng-
 Đức tạ thế.

Cũng năm ấy, đức Gia-Long thăng
 hà, đờ Minh-Mạng lên kế-vị, Nhân
 dâng sớ xin về viếng tang thì Tân
 quân cho về.

Sau khi ra tới Huế, đức Minh-
 Mạng cho triệu vào ra mắt, Hoàng-

đế cho ngồi và an ủi hồi lâu
 thì vừa lúc có Thái trưởng Công
 chúa là Ngọc-Du xin vua lập đàn
 làm chay để cúng. Đức Minh-Mạng
 bèn hỏi Nhân rằng : « Xưa đức
 « Tiên đế cư tang bà Hiếu-Khuông
 « hoàng-hậu, cũng có làm chay, phép
 « làm con thờ cha mẹ thà rằng lỗi
 « vì trung hiếu, ý người nghĩ thế
 « nào ? »

Nhân tâu rằng : « Đức Tiên đế sớ
 « dĩ phải lập đàn làm chay là vì
 « phải chiều theo ý bình sinh của
 « Thái-hậu chứ không có phải là tin
 « về đường họa phúc. Nay bề hạ mới
 « lên nối ngôi, cốt phải nên đoán
 « theo lẽ nghĩa, đừng để cho nhầm
 « lỗi việc gì mà khiến cho kẻ dưới
 « có thể nghị luận được, hà tất việc
 « gì cũng cứ phải theo thói cũ mới
 « là hiền hay sao ? Nếu Công chúa
 « muốn làm chay thì xin cứ cấp tiền
 « như phí mà để mặc Công chúa là
 « hơn ! » Hoàng-đế nghe lời, bèn cấp
 tiền cho Công-chúa để thiết đàn
 làm chay ở chùa Thiên Mụ cúng
 ba tuần 21 ngày. Ngài lại hỏi Nhân
 rằng : « Sao người Gia Định vốn sợ
 « Lê Văn-Duyệt mà vẫn không hết
 « trộm cướp, hay là chúng dốt rết
 « quá mà làm can như vậy ? » Nhân
 tâu rằng : « Đất Gia Định xưa kia
 « lắm nơi rừng rậm, nên trộm cướp
 « sẵn nơi ẩn nấp, hưởng chi dân dốt
 « bình nhứt không biết dành dạm dè
 « xén mà mưu sinh, ngoài giống ngũ
 « cốc ra thì không còn biết giống
 « gìot gì hơn nữa, nên gập năm đói
 « kém thì lại càng dễ sinh ra là tâm.
 « Thần xưa đã làm tổng-trấn mấy
 « lần và cũng đã lắm phen trừng-trị
 « những quân ấy mà vẫn không làm
 « sao cho hết được ! »

Năm nhâm-ngọ, 1822, niên - hiệu
 Minh-mạng thứ 3, Nhân mất, thọ 70
 tuổi, được truy - tặng Thái - bảo
 Quận-công.

Đức Minh-Mạng phán với Trịnh-
 hoài-Đức rằng : « Nhân là bậc
 « Hảo-cụ đại-thần, trung thành
 « cần hạ, chẳng may mất đi, trấn
 « rất cảm thương». Hoàng-đế lại nói
 rằng : « Nhân bình sinh tiết-kiệm,
 « nay diếu-tế, Trẫm muốn dùng cách
 « phong-hậu ».

Ngài bèn cho xuất tiền kho để
 tiền vào các việc hiếu tử.

Đến hôm sắp cất đám về Gia
 Định, đức Vua ngự ra tận nhà bái
 cho một tuần rượu và cho một
 trăm lính đội Hũu-sai đi hộ-tang;
 đến sau lại cho tông tư vào
 miếu Trung-Hưng công thần và
 Thái-Miếu, truy phong là Kinh-Món
 quận-công.

NGUYỄN TRIỆU

1a) Phỏng theo Đại Nam chính biên
 liệt truyện sơ tập quyển 7 tờ đầu và
 Bulletin société Amis Vieux Huế 1914
 p. 143.

1b) Nay là Sadec, Nam-kỳ.

2) Xưa là đồn Chauđoc thuộc trấn
 Vĩnh-thanh, sau phân ra tỉnh An-Giang,
 tức là Chauđoc ngày nay.

3) Cần vương là đi đánh giặc giúp
 vua.

4) Duê - Tôn tức là Đinh-Vương
 Nguyễn Phúc-Thừa (1754-1777).

5) Ngã Ba-Lai thuộc về hạt Sadec
 (Nam-kỳ)

6) Biên-hoà bây giờ

7) Em ruột Đồng-cung Cảnh.

Việt-nam văn-học sử

Tiếp theo trang 13

1. « Tam-đồ » nghĩa là ba đường :
 đường địa-ngục, đường ngã-quỉ,
 đường súc-sinh. Kinh Phật có nói :
 « Địa-ngục gọi là đường lửa, ngã-
 quỉ gọi là đường đao, súc-sinh gọi là
 đường huyết ».

2. « Lục căn » nghĩa là sáu căn :
 căn mắt, căn tai, căn mũi, căn lưỡi,
 căn thân, căn ý. Vì nhà Phật cho
 rằng mắt là gốc sự thấy, tai là gốc
 sự nghe, mũi là gốc sự ngửi, lưỡi là
 gốc mùi-vị, thân là gốc sờ-mó, ý là
 gốc nghĩ-ngợi. Đoạn dưới bài này có
 cái nghĩa rõ về « sáu cái gốc » đó.

3. Muốn biết cái kiếp bình dao
 thường diễn ở trên đời ra sao, thì
 cứ nửa đêm, đến bên cửa nhà đồ-tề,
 nghe tiếng sát sinh khắc rõ.

4. Nhà Phật cho địa, thủy, hỏa,
 phong là « tứ-dại » (bốn nguyên-tố).
 Thân người ta là do bốn nguyên-tố
 ấy hợp lại mà thành ra,

Chung-quanh câu chuyện:

BÀI THƠ ' « PHỔNG ĐÁ »

VIỆT-THƯỜNG

Về bài thơ « Phổng đá », bạn Nguyễn Phưởng, ở Trí-Tân số 51 trước, trang 21, lại có mấy lời nói thêm rằng, theo chỗ bạn đã nghe được thì câu cuối bài ấy là « Bề cận non môn có biết không ? » Nếu câu đó quả đúng là nguyên - văn của tác - giả bài thơ « Phổng đá », thì nó cũng là một tài - liệu giúp thêm nẩy chút tia sáng « chân - lý » trong cuộc tranh-luận giữa bạn N. P. và ông Việt - Thường, tác - giả bài dưới đây.

Dầu sao, Trí - Tân cũng lấy công - tâm mà đăng nguyên - văn bài ông Việt-Thường để mong cuộc luận - văn này họa may đi được đến chỗ kết - quả đẹp : Tìm thấy sự thực, T. T.

MỘT cái danh, đóng sâu, lâu năm trong một bức tường kiên - cố ; thẳng tay rút cái danh ấy, tránh sao khỏi làm nứt vỡ bức tường ! Bài thơ « Ông phổng đá », đã bao lâu ai ai đều cho là của Tam-Nguyên Nguyễn - Khuyến, đột-nhiên công-bỏ : bài thơ ấy không phải của Tam-Nguyên mà chính của một nhà thơ khác, đánh tác-phẩm ấy để hoàn lại tác - giả chính-thức của nó, nhất là danh-thơ của một thi - sĩ đại - danh, người làm công việc ấy, khác nào như tay không rút cái danh kia. Trong văn giới sao tránh khỏi những tiếng vang, tiếng vang êm-dềm và... rầm-rộ ! Cuộc Điện-luận đương khởi đầu trong một bầu không-khí ôn-hòa tao nhã giữa ông Tiên-Đàm và tôi, bỗng xen vào tiếng ồn-ào của một người, đã vô ý hay dụng tâm, vượt qua phạm-sự của một nhà bình-luận. Nhưng thiết tưởng mỗi người có mỗi khí-chất, có quyền hiểu sự-vật theo quan-niệm riêng của mình, ta không thể bắt ai ai cũng phải suy-tưởng như ta. Duy người này có thể có một quan-niệm đúng, người kia có một quan-niệm sai. Ai đã vì quan-niệm sai, lạc vào một hành-không phải, người ấy tự chuốc

lấy lỗi, và chính người ấy nhầm, (*Il est impossible... qu'il se conforme à la manière de voir, mais bien à la sienne, de sorte que s'il agit mal, c'est lui qui se fait tort, lui qui est dans l'erreur. — Epictète.*)

Nghĩ thế, nên tôi vẫn bình-tĩnh trả lời ông Nguyễn-Phưởng, tác-giả bài : « Bàn thêm với ông Việt-Thường về bài thơ Phổng đá », đăng trong Trí-Tân, số 47. Và, trước khi bàn cùng ông N. P., tôi hãy thành - thật ngỏ cùng ông rằng : chúng ta chỉ tìm lẽ phải, tìm ai là tác giả bài thơ « Ông phổng đá », còn ông cũng như tôi, không ai đòi riêng cho mình bài thơ ấy, vả về phần tôi nếu sau này cuộc tranh-luận vạn nhất làm nảy ra đủ bằng-cứ để giữ lại bài thơ ấy cho Tam-Nguyên, tôi cũng vui lòng. Nếu lên câu chuyện trên, không phải tôi chủ tâm lập-dị, mà bởi trong cuộc khảo-cứu, sau khi cân nhắc mọi lẽ, so-sánh nhiều tài liệu thiết-thực, tôi tin rằng bài thơ kia chính của thi-sĩ Tam-Xuyên.

Đề ông N. P. hiểu cho như thế, giờ tôi hãy trả lời cùng ông, từng đoạn một cho minh-bạch :

1) Nhắc lại câu : « ... nên nhân lúc quan khách lần lượt làm thơ

mừng chủ nhân, đến lượt Nguyễn. Khuyến, thi-sĩ ngâm ngay bài thơ : « Ông đừng làm chi đó hỡi ông ? »..., trích trong bài : « Tam-Nguyên hay Tam-Xuyên ? », đăng trong Trí-Tân, số 42 ; ông N. P. nói rằng tôi không nhận ký bài của ông Tiên-Đàm : « Một đảng thi ông T. Đ. thuật rằng cụ Tam-Nguyên nhân ngày thường ngồi nhàn trong nhà học có tức cảnh ngâm thơ « Phổng đá » còn một đảng thi ông V. T. lại thuật là ông T. Đ. bảo cụ Tam-Nguyên nhân bị người soi mói mà ngâm thơ « Phổng đá » để chửi thợ ».

Dưới mắt tôi, còn số Trí-Tân, trong có bài của ông T. Đ. viết « Đến lượt cụ Tam-Nguyên, cũng là chỗ tình thân chả nhẽ ngồi im, cụ cũng nói : — Chúng tôi ngồi dạy học ở dinh cụ lớn đây, nay gặp tiệc thọ, cũng được làm dự vào hàng quan khách, nhưng chưa nghĩ được câu nào mừng cụ lớn, nhân ngày thường ngồi trong nhà học, thấy cảnh hồ sơn ở trước, trên núi có ông phổng đá, có mạn phép cụ lớn ngâm bài thơ sau này : « Ông đừng làm chi đó hỡi ông ?... »

Rõ như ban ngày ? Cụ Nguyễn Khuyến tuy làm bài thơ ấy trước ngày mừng thọ, nhưng — theo-

Ông T. Đ. — cụ đã ngâm bài ấy về dịp mừng thọ. Tôi cũng viết : Tam-Nguyên ngâm bài thơ ấy về dịp chứ không phải để chúc thọ. Tuy nhiên ông T. Đ. nhắc : «... nhưng chưa nghĩ được câu nào mừng cụ lớn, nhân ngày... có mạo phép cụ lớn ngâm bài thơ sau đây... » Vậy hẳn nhiên rằng cụ Tam - Nguyên vì chưa nghĩ được bài thơ mới mừng chủ-nhân nên phải ngâm một bài làm sẵn để thay bài mừng, và lấy bài ấy làm đầu đề một bài hát.

Tôi không rõ ông N. P. hiểu bài của ông T. Đ. cách nào mà hạ bút viết rằng tôi đã nhầm vì không nhận kỹ... và « đặt trên cái nhầm đó một ngụ biện để cãi rằng thơ « Phổng đá » là không phải thơ chúc thọ ».

Cho rằng theo ý ông T. Đ., trong khi ngâm bài thơ tứ tuyệt đó, cụ Tam-Nguyên không muốn là một bài thơ chúc thọ thời ít nhất — theo ông T. Đ. đã thuật — bài ấy cũng là một bài thơ cụ Tam-Nguyên đã ngâm để dịp mừng thọ. Đều ấy không ai chối cãi được. Và lấy lẽ phải mà xét : « Nếu quả thật cụ Tam-Nguyên nhắc lại một bài thơ ngắn để làm một bài hát nói, tất nhiên bài thơ ấy cũng phải liên-can mật-thiết đến bài hát nói. Nhưng, một đường bài thơ ngắn ấy ngụ ý chế riễu ông phổng đá, một đường bài hát nói ngụ ý tăng bực ông phổng, ta không thể tin được rằng thi-sĩ Tam-Nguyên lấy một bài « ngược » để làm một bài « xuôi ». Nếu chuyện ấy có thể có được thời ta có thể nói : Gắt một con gà để nấu một nồi cháo vịt ?

2) Ông N. P. viết : «... ông V. T. lại nêu lên rằng : một ông đồ ngồi dạy học không có bao giờ lại « đối » chơi với gia-chủ. Thế thì ông lại cũng nhầm ? Những chuyện các ông đồ, ông đồ dạy học ở

các nhà quyền quý, trong khoảng ba mươi năm trước đây, thường hay tỏ ý rề-bliu gia chủ không phải là hiếm gì ? » Bằng vào đâu, ông N. P. bảo rằng tôi nói như thế ? Nếu ông N. P. chịu khó đọc lại bài của tôi, ông sẽ thấy rõ ràng đoạn sau này : « Ta hãy xét : không bao giờ, một ông đồ dạy học trong nhà một người nào, riêng đối với ông không có hiềm-thù gì bỗng-nhiên vì một lời nói mỉa của một khách quan, ông đồ ấy làm ngay một bài thơ phúng-thích « đốt » lại chủ nhà... » Thế là tôi muốn nói ; nếu giữa ông đồ và chủ nhà không có một lần không khí bất hòa thời không bao giờ ông đồ ấy nói mỉa chủ nhà. Huống chi về chuyện này chính một người khách trong nhà làm mếch lòng Tam-Nguyên chứ nào có phải chủ nhà. Đã thế thời không thể nào, vô cớ, Tam-Nguyên ngâm bài thơ « đốt » lại chủ nhà. Và, nếu thật quả Tam-Nguyên đọc bài thơ ấy trước mặt chủ nhà, một quan Kinh-Lược đương ngồi trong một bữa tiệc đông đủ bao quan khách, tất nhiên cụ Tam-Nguyên phải bị xách tay mới ra khỏi cửa và nếu quan Kinh-Lược kia là một nhà quân tử trọng nhơn-tai thời câu chuyện đến đó ít ra nó cũng phải trở ra một đường khác chứ không thể nào cứ xuôi mãi được, và nghe xong bài thơ ấy, « quan Kinh-Lược vốn thích nôm, ưng ngay ».

Còn lấy ông phổng đá để mỉa mai chủ nhà, rồi lại lấy ông phổng đá để hình dung mình, tự tăng-bực mình, thời thư họa ai có thể tin là một câu chuyện đùa vớ được không ?

Ông N. P. nói : Cụ Tam-Nguyên hay « học-hạc » với gia - chủ, điều ấy ai bảo là không thể có ? Nhưng dù Tam-Nguyên vốn có tính hay « học hạc » với ai đi nữa, về dịp

mừng thọ này, ta không thể tin được rằng : một người khách làm mếch lòng cụ, cụ lại làm mếch lòng chủ nhà. Tin thế cũng như tin rằng ; Anh Ất đánh anh Giáp, anh Giáp phát khùng, đánh ngay anh Bình, một anh chàng vô cau, tỷ như — xin phép đọc-giã cho tôi dùng câu ngạn ngữ mộc-mạc này, mộc mạc nhưng rất đúng, câu : « Giận cá bầm thớt ». Ta không thể vu-cáo cho Tam-Nguyên, buộc cho Tam-Nguyên cái lỗi vô nghĩa lý ấy được.

3) Trong bài ; « Tam-Nguyên hay Tam-Xuyên », tôi nói hai nhà thơ ấy làm hai bài thơ vịnh phổng đá, ý tứ khác nhau, rồi tôi lại nhắc câu ; « Cao - minh chi sĩ, ý kiến lược đồng. » Nói như thế, ông N. P. cho rằng tôi nhầm « dùng hai thuyết tương phản trong một bài » Nhưng nếu ông N. P. hiểu thấu bài của tôi thời sẽ nhận ra rằng : nếu Tam-nguyên, Tam-Xuyên khác nhau vì một nhà làm thơ đề chế giễu đời, một nhà làm thơ đề tự tăng bực mình, thời hai nhà thơ cũng lấy một đầu đề để làm thơ. Vịnh « Phổng đá » Tam - Nguyên làm bài hát nói, còn Tam - Xuyên làm bài tứ tuyệt. Cũng hai nhà thơ ấy đều lấy một đầu đề : « Không chồng trông bông lông » để làm mỗi nhà một bài thất ngôn bát cú Tam-Nguyên, Tam - Xuyên đã gặp nhau ở đó. Mỗi người miêu tả một cách, nhưng ai cũng cùng một ý muốn : tả một cảnh-vật. Vì chuyện gặp nhau đó nên mới xảy ra chuyện thơ ông này làm ra thơ ông kia.

4) Ông N. P. nói bài thơ tứ tuyệt vịnh « ông phổng đá » chép trong « Tam-Xuyên thi - tập » kém bài thơ tứ-tuyệt chép trong « Quốc-văn trích-diễm ». Cái đó tùy ông N. P. Ông có đủ quyền khen chê theo ý riêng của ông những ý-kiến của ông về những đoạn sau này không đúng ;

a) «Giữ-gìn» và «Coi sóc», ông N. P. cho rằng «Coi sóc» mới đúng còn «giữ-gìn» sai. Sao thế? Ông N. P. chỉ viện lẽ ngắn ngủi: «*Xin lẽ nhân sẽ thấy.*» Thấy cái gì? Thấy thế nào? Tôi, thì tôi cho rằng: «coi-sóc» cũng có nghĩa mà «giữ-gìn» cũng có nghĩa. Duy «coi-sóc» có một nghĩa nhẹ là coi trong ngó ngoài qua loa thế thôi, còn «giữ gìn» có nghĩa: ông phổng đá, một mình đứng trên non, nước, phải đảm-nhân cái trách-nhiệm nặng nề là giữ-gìn cả một giang sơn. Dùng hai chữ «giữ-gìn», tác giả muốn buộc cho phổng đá, một gánh nặng đè tăng cái tội của ông là tội đứng trơ trơ ra như đá, chẳng làm được công cán gì. Hai chữ «giữ-gìn», thật là sát nghĩa trong câu thơ: *Giữ-gìn non nước cho ai đó?*

b) «Thay đổi», theo ông N. P. không có nghĩa. Ông viết: «*Có ai thay đổi hòn non bộ bao giờ?*». Thế ông N. P. há chẳng biết rằng trong cái hồ cạn có nước, và nước ấy cần phải thay luôn sao? Vả lại các cụ xưa chơi non bộ lắp đá lắp lại cho khéo là cái lẽ thường. Lại còn khi thay cái núi này đổi lấy cái núi khác cũng không lấy gì làm lạ.

Ông N. P. còn viết: «*Nước trong bể non bộ chỉ có thể vơi đầy được thôi, còn non thì bao giờ cũng vẫn là non.* Đây là cụ Tam Nguyên chỉ chú ý đến «nước» mà nói phớt qua về «non».

Tôi hãy nghĩ theo với ông N. P. mà cho rằng cụ Tam-Nguyên chỉ chú ý về «nước» mà nói phớt qua về «non». Nhưng nếu thật cụ Tam-Nguyên dụng tâm thế và quả thật cụ làm câu thơ ấy, cụ phạm một lỗi, lỗi viết sai. Dù ai có lấy tài nguyên biện đến đâu cũng không thể nói được câu: «*Nước non vơi đầy...*» là đúng được! Vì nếu chỉ nói về «nước» và cho nước vơi

đầy, thời quảng chữ «non» đi đâu? Nói thế cũng như nói: «*Tôi ăn cơm, nước*» và theo ông N. P. mà biện luận rằng: tôi chỉ chú ý nói «tôi ăn cơm» thôi, còn tôi nói phớt qua về «nước» dù rằng theo tiếng An-nam, tôi chỉ ăn cơm, còn nước, tôi phải uống!

c) Ông N. P. biện thuyết: «*.. ông V. l. bỏ chữ «đầy» và chữ «đỏ» tiếp nghĩa, và chẻ là «vụng».* Cứ theo luận-thuyết của ông, trong một bài tứ tuyệt có hai chữ điệp là vụng, thế thì trong một câu thất ngôn, có hai chữ trùng như câu nhất có hai chữ «ông» thì còn vụng đến đâu? Chết nỗi ông N. P. không đề ý cho rằng dùng chữ trùng nhau có hai cách, một cách, tác giả chủ tâm, một cách vô ý. Ai chẳng biết rằng câu: «*Ông đứng làm chi đó hỡi ông?*» có hai chữ «ông». Tác giả chủ tâm dùng hai chữ điệp để cho câu thơ thêm đậm đà thấm thía, cũng như câu: «*Chiều chiều lại nhớ chiều chiều*», có bốn chữ trùng nhau chứ không phải chỉ có hai chữ. Sở dĩ tôi nói dùng trong bài tứ tuyệt kia, một chữ «đầy» và một chữ «đỏ» là vụng bởi vì tác giả vô ý dùng hai chữ điệp nghĩa! Vì vô ý nên bài thơ có chỗ vụng. Dụng tâm với vô ý khác nhau là thế!

d) Ông N. P. cãi: «*... đã là ông phổng đá thì việc đời còn biết tý gì nữa. Nếu hỏi thay đổi bao giờ có biết không?*» tức là cho rằng ông phổng đá vẫn biết có sự thay đổi rồi, duy chỉ còn hỏi ông: «*thay đổi bao giờ «thời».*»

Nếu nói thế là đúng thời ta cũng theo ông N. P. mà luận lý: «*Đêm ngày coi sóc cho ai đó?*» tức là cho rằng ông phổng đá vẫn biết công việc của ông là phải coi sóc, chỉ còn hỏi ông: «*coi sóc cho ai*

đó» thôi!

Cứ theo lối luận lý ấy của ông N. P., ta có thể nói đến bao giờ cũng không hết chuyện.

Đến đây cũng tạm hết những điều cần phải trả lời cùng ông N. P. chỉ còn phần kết luận bài này nữa thôi. Nhưng kết luận một bài biện thuyết, tôi không muốn dùng những lời nói «mát» như ông N. P. đã kết luận bài của ông. Thế dùng những lời đau đớn hơn như Tùy Viên trong câu chuyện: «*Lý-Hương Quân tiến một quyển thi sách*», nói tước Dương Lạp bỏ từ đầu bài đến cuối còn chưa há giận, kết luận bài, Tùy Viên còn thêm: «*... Song e bác vì lòng yêu danh quá vụng nản, nhân chuyện nhỏ đó, nhận làm điều đại ô nhục. Một mai đạo Dịch đều quẻ Quán có câu: «*Quán nữ trinh*» sanh lòng hồ thẹn mà tự giết mình thì bản sách «*Tử Bất Ngữ*» của tôi không, chỉ trái với thanh nhân, mà kết cục đến giết chết một vị hiền giả, thì lòng ta không sao tự an ủi được...*»

Nhắc lại thế không phải tôi ám chỉ một ai. Không! Nhắc lại để tỏ cho độc giả biết rằng ai cũng có thể nói tước người được, và để độc giả thấu rằng tôi không ưa kiểu châm-biếm ác nghiệt ấy thái-độ ấy. Dù của một nhà văn học trứ danh như Tùy-Viên tiên sinh, cũng chẳng đáng theo.

Và, xong cuộc tranh-biện, quang bút xuống bàn, thưa ông Nguyễn Phương, chúng ta hãy thân mật bắt tay nhau, dù chỉ bằng tưởng tượng.

Việt-Thường

Săm - sơn, 7 juin 1942

HIỆP-ƯỚC LIÊN-MINH QUÂN-SỰ ANH-NGA

NHẬT-NHAM

N GÀY 26 Mai vừa rồi, Ngoại trưởng Nga Molotov đã sang Luân-đôn, bí-mật ký với Anh một bản hiệp-ước liên-minh quân-sự.

Hiệp-ước Anh — Nga đối với hiện-tình chiến-sự có một tính cách rất quan-trọng không thể không bàn đến.

Căn-cứ vào nhời tuyên - bố chung của Tổng-thống Hoa-kỳ Roosevelt và Thủ - tướng Anh Churchill từ ngày 14 Aout 1941, hiệp-ước 26 Mai 1942 mệnh danh là : « Hiệp-ước liên-minh quân-sự giữa Nga-sô-viết, Anh-cát-lợi và đảo Irlande để chống lại nước Đức và đồng-minh Đức ở Âu-châu ».

Hiệp-ước có tất cả tám khoản, đại-lược như sau này :

Khoản I. — Theo cuộc liên-minh giữa Anh—Nga, hai bên cam-doan

tương-trợ về mặt quân-sự để chống nhan với Đức-quốc và các nước khác đương dự chiến cạnh Quốc-trưởng Hitler trên đất Âu-châu.

« Khoản II. — Hai bên ký hiệp-ước cam doan không điều-đinh riêng với Chính-phủ của Quốc-trưởng Hitler hay bất cứ một Chính-phủ nào khác của nước Đức trước khi Chính-phủ ấy chịu rời mục-đích khiêu-khích một cách rõ ràng. Hai bên ký hiệp-ước tình-nguyên không được tự-liên đình chiến hay ký riêng hòa ước với Đức hay đồng-minh của Đức đã dự vào cuộc Âu-chiến, trừ khi nào hai bên đều thỏa thuận không kể.

Khoản III. — 1.) Hai bên ký hiệp-ước sẽ tuyên-bố ý muốn kết-liên với các nước khác, để cùng các nước ấy nghiên-cứu và thực hành các điều-kiện có thể chống lại những sự khiêu khích trong thời kỳ sau chiến-tranh, mục-đích để duy-trì cuộc hòa-bình.

2.) Trong khi chờ thực hành các điều-kiện ấy, một khi cuộc chiến-tranh kết-liệu, hai bên ký hiệp-ước sẽ dùng các phương-pháp trong phạm vi thế lực của mình để ngăn-ngừa một cuộc chiến-tranh khác có thể xảy ra hay một cuộc phá hủy hòa-ước do Đức hay đồng-minh Đức gây nên.

Khoản IV. — Sau khi kết-liệu cuộc chiến-tranh hiện-thời, nếu một nước trong hai bên ký hiệp-ước bị nước Đức hay đồng-minh Đức đánh thì bên kia sẽ giúp ngay về mặt quân sự theo lực-lượng mình.

Khoản này có công-hiệu cho đến khi hai bên công nhận đã thực hành những điều-kiện dự trong khoản III, tiết 1.

« Một khi chưa thực hành các điều

kiện ấy, khoản này sẽ công hành trong một thời hạn 20 năm và cho đến khi một bên xin bãi đi, theo khoản thứ VII.

« Khoản V. — Sau khi phục-hưng được nền hòa-bình, hai bên ký hiệp-ước sẽ hợp-tác chặt-chê và thân-mật để tổ-chức lại cuộc thịnh-trị và văn hời nền kinh-tế Âu-châu. Trong khi tiến hành công việc, hai bên sẽ chú-ý đến quyền-lợi các nước đồng-minh và theo đuổi hai chỉ hướng sau này :

« a) Không tìm cách mở-mang địa thế cho nước mình ;

« b) Không tham dự vào nội-chính các nước khác.

Khoản VI. — Sau khi bãi chiến, hai bên sẽ tương-trợ về mặt kinh-tế.

Khoản VII. — Hai bên cam-doan không dự vào một cuộc liên-minh nào để chống lại bên kia.

Khoản VIII. — Hiệp-ước sẽ được hai Chính-phủ duyệt-y trong một thời gian rất chóng và sẽ thay hiệp-ước Mạc-tư-khoa ký ngày 16 juillet 1941. Hai khoản đầu sẽ công hành cho đến khi thắng được nước Đức. Các khoản khác bắt-buộc phải thi hành trong 20 năm và lâu hơn nữa, trừ khi một bên ngỏ ý muốn hủy các khoản ấy, sau khi báo-cáo cho bên kia biết trước 12 tháng ».

.:

Trên là 8 khoản hiệp-ước liên-minh quân-sự Anh—Nga ký ngày 26 Mai 1942, sau một cuộc hội-dàm tại Luân-đôn giữa đại-biêu hai nước : một bên có Ngoại-trưởng Molotov, ông Maisky, Đại-tướng Issaiv và Đô-dốc Varlanov và một bên gồm có các ông Chul

ĐÔNG-TÂY THƯ QUÁN

195, phố hàng Bông Hanoi

Đã có bán

Mẹo chữ Hán

một cuốn sách mà ai ai dù đương học chữ Hán hay đã biết thông chữ Hán cũng đều phải xem

Giá 0\$35 trước 0\$06

Gửi bằng tem (cò) cũng được.
Không gửi lối lnh hóa giao ngân

chill, Attlee, Eden, các vị Tổng-tư-lệnh hải, lục, không - quân Anh.

Các giới ngoại - giao thế-giới đều ngạc-nhiên không thấy đại-biêu Hoa-kỳ dự cuộc hội-ngập Luân-đôn này Tuy Hoa-kỳ đồng ý với Anh-Nga về các khoản hiệp-ước, nhưng không ký hiệp-ước cùng với Anh-Nga. Hình như Hoa-kỳ không muốn gán số phận mình cho Nga-sô-viết, và nhiều giới bên Hoa-kỳ từng phen đã phải miễn-cưỡng nhận cuộc liên-minh Hoa-kỳ với Chính-phủ Mạc-tư-khoa, nên Chính-phủ Hoa-kỳ chắc cũng không muốn có cuộc hợp-tác chặt-chẽ hơn với nước Nga đỏ.

Một điều đáng chú-ý là nước Anh từ chính-thể đến phong-tục đều khác hẳn nước Nga, thế mà đứng trước tình-thế, Anh phải bó-buộc thắt chặt giải đồng tâm với dân Xô-viết, sao khỏi làm cho dân chúng Anh phải bối-rối lo ngại ! Nước Anh, không cứ về một nhẽ gì, dần dần trở nên tông phạm của Cộng-sản, dần dần bớt ngăn ngại trong cuộc xô-dẩy các nước Âu-châu vào vòng Cộng-sản. Một chứng cứ là điều khoản thứ 5 trong hiệp-ước dự định ủy thác cho Nga việc tổ-chức cuộc thịnh-trị và phục hưng nền kinh tế Âu-châu.

Ngoài ra, các nước đồng-minh cam-đoan không tham - dự vào

nội-chính các nước khác. Ai cũng biết đó là chính-sách thông thường của đệ-tam quốc-tế. Các điều-khoản về sau khi bãi ch ến, ngoài thì đối lốt tính-cách bênh vực quyền lợi các nước đồng-minh, mà trong thì rất chú-trọng đến việc đặt toàn - thể. Âu-châu dưới quyền đô-hộ Anh-Nga, cải-tạo Âu-châu thành một đại đế-quốc Nga, vì trước cuộc toàn-thắng của quân đội Nga, người Anh sẽ không đủ lực-lượng để ngăn-cản sức bành trướng của quân Xô - viết là một dân - tộc không cần trọng chữ ký và các hiệp-ước.

Hình như các đại-biêu Anh cũng đã nghĩ đến điều đó, nên vấn-đề đất-đai đều gác ra ngoài hiệp-ước. Chính-phủ Luân - đôn thấy số phận các miền Nga chiếm được từ trước khi khởi cuộc chiến tranh Nga-Đức, không được vững-vàng, nên không dám hứa hẹn gì với Nga, mà trái lại có ý đợi kết-liệu cuộc chiến - tranh, mới sẽ cùng các nước bạn đem các vấn đề ấy ra bàn tại hội-ngập hòa-ước.

Nga cũng vui lòng gác lại vấn-đề đất-đai, vì điều cốt yếu là trong lúc Đức đương tấn công rất mãnh-liệt trên đất Nga, Nga cần yếu-cầu Anh mở ngay một chiến-tuyến thứ hai tại Âu-châu trong năm 1942 để chia lực-lượng quân địch và vãn - hồi tình - thế

quần Đò.

Vì vậy, trong cuộc hội - nghị Luân - đôn, các đại biểu Anh-Nga đã công nhận cần phải mở ngay một chiến - tuyến thứ hai trên đất Âu-châu trong năm 1942 và đã đồng ý thực hành những phương-pháp mới về việc vận-tải chiến - cụ từ Anh sang giúp Nga.

Nhân đó, cuộc hợp tác Anh-Nga càng thêm chặt chẽ, vì hai bên đã hiểu nhau một cách sáng suốt, đã biết đến những chỗ yếu-điểm của nhau. Chẳng thế mà trong bài diễn văn bế - mạc hội-ngập Luân-đôn, ông Eden, ngoại giao tổng trưởng Anh, không thể che nổi vẻ sung sướng được ngoại tướng Nga Molotov hiểu lòng mình, công nhiên tỏ lòng biết ơn bạn «Tư-Kỳ» với câu kết đầy lòng tự-phụ : « Tương lai nhân loại một phần to chịu ảnh-hưởng của sự hợp-tác giữa Nga, Hoa-kỳ và Anh. »

Họa theo nhịp đàn « Bà-Nhan » của Anh, «Tư-Kỳ» Molotov nói lời : « Thực vậy, hiệp-ước Anh-Nga không những cần cho hai nước ta, mà lại còn quan-hệ đến tất cả dân - tộc các nước khác nữa. »

Quan-hệ hay không, là ở chỗ nhời nói của hai đại-cường-quốc có đi đôi với việc làm hay không.

Vì từ ý-định đến thực - hành, đường xa muôn dặm..., cần phải vượt qua... NHẬT-NHAM

HÀNG MAY ÁO DI MƯA

Bằng lụa hoặc vải rất đẹp, nhẹ, bền, không thấm nước, ra nắng to, vào nước sôi cũng ít sũng đều không chảy, không bao giờ dính quần áo.

Có đủ các màu — Giá rất rẻ
do ETABLISSEMENT B T M chế tạo
Cần đại lý khắp mọi nơi
Viết thư về bureau de l'Établissement thương lượng
cùng M. BUI TUNG-MAU.
N. 36, Rue du Charbon Hanoi

TIEU THUYẾT DÀI

TRÚC MAI XUM-HỢP

Số 1 của CHU-THIÊN

PHẦN THỨ NHẤT

I

QUAN Nguyên Thượng-Thư Phan công Độ, bị gian thần Nguyễn-Bái vu-tấu là âm mưu thông với lũ giặc ở Kinh-Bắc phải bắt đóng gông giải về kinh. Cái biệt thự nguy-nga lộng lẫy ở Phố Hiến phút chốc đã tan-tành sơ-sác. Bao nhiêu tài sản đều phó về công khổ. Phan phu nhân và gia ti là Tiểu-Lan, trong lúc hoảng sợ, vội chạy thoát lấy thân, thẳng đường chốn sang Kinh-Bắc vào chú ngụ ở nhà ngoại-gia. Bên ngoại-gia này những người thân-thiết của phu nhân, cha mẹ anh em, đều đã qua thối cả, chỉ còn một lũ cháu đã trưởng thành. Thấy bà cô đến chơi một cách đột ngột và có vẻ hơi hãi sợ sệt lũ cháu bèn ân cần gắng hỏi. Phan phu-nhân liền cứ thực tình thuật mọi việc xảy ra. Lũ cháu thấy vậy sợ liên-lụy đến mình, không muốn cho phu-nhân ở lại liền làm một bữa tiệc rất to đủ cao lương, mỹ vị để khoản đãi phu-nhân, rồi cùng nhau nói với phu-nhân rằng :

— Thưa cô, quan Thượng-thư, tự nhiên bị nghiêm-trị như vậy, chắc là tội trạng to lắm. Bấy giờ phép nước tôn nghiêm, kẻ làm dân phải giữ mồm như giữ bình, mới mong khỏi cháy thành vạ lây. Nay quan nhà bị nạn, cô chạy về đây với các cháu đang lẽ chung cháu phải hết sức hầu hạ cô và tìm cách cứu gỡ cho quan nhà mới phải đạo. Nhưng lúc này gian ngay khó tỏ, và tội đồng loã rất khó biện-minh, nếu không khéo, thì cả giòng giời nhà ta sẽ không còn một mống...

Người ấy ngừng lại để cho người khác nói tiếp, một cách thông thả và thiết thực hơn :

— Vậy chúng cháu xin cô hãy tạm đi ở nơi khác. Như thế vừa khỏi lộ tung tích và tránh được cái vạ chu giết cho giòng nhà ta. Trong thiên hạ không thiếu gì nơi yên thân, chắc cô cũng nhận rõ nơi khổ-tâm của các cháu mà tha cái tội bất nghĩa tầy-dinh ấy, cô ở chỗ nào yên chốn, các cháu sẽ tìm đến nơi thông tin tức cho cô và nếu cần đến, các cháu sẽ giúp thêm vào để cô được đủ ăn đủ mặc...

Người ấy ngừng nói, cả bọn đều chăm chăm đợi bà cô giả nhời ra sao. Im lặng, ngẫm-ngẫm một lát, Phan phu-nhân biết rõ lòng bụng các cháu liền gượng cười đáp :

— Được các con nghĩ thế cũng phải. Để mẹ con ta lại đi nơi khác vậy. Thôi đã chẳng ở được đây thì ta sắp sửa đi đi, Tiểu-Lan.

Phan phu-nhân với Tiểu-Lan liền ra đi ngay. Đương lúc đau khổ vì gia-dinh tan-nát lại gặp nhân tình nhút nhát, lạnh nhạt với mình, đột nhiên, phu-nhân quên hết cả nỗi buồn rầu, trong lòng càng thêm phấn-khởi mà mạnh bạo bước chân lên đường. Phu-nhân đi, cứ đi mãi, đi liền Ba chân cá tình thân thuộc, không buồn nghĩ nhớ đến ai nữa. Chiều hôm ấy, hai mẹ con phu-nhân ghé vào nghỉ chân ở một quán trọ bên ngã tư đường.

Phan phu-nhân vừa cùng Tiểu-Lan vào quán thì ở ngoài, liền lúc ấy cũng có hai người đàn ông tiến vào. Chủ quán không kịp đáp lời phu-nhân hỏi, thoáng thấy hai người vội chạy ra vái chào :

— Bẩm lady hai bậc đàn anh ạ !

Hai người kia hơi cúi đầu chào lại :

— Phải chào bác, ! Đạo này có đông khách không ?

Chủ-quán lễ phép đáp ;

— Bẩm đàn anh, nhờ giới, nhờ Tò, hàng cũng đông đông ạ. Xin rước hai bậc đàn anh an-tọa.

Hai người liền ngồi xuống, ấy là hai người đàn ông lực lưỡng da ngăm đen, đầu cạo chọc, hai mắt dữ tợn, trông ra vẻ quân gian phi hung-ác bất lương. Chủ quán vội hỏi :

— Bẩm đàn anh dùng gì ?

Chúng không giả nhời bốn mắt còn mãi đồ dờn về nơi Phan phu-nhân và Tiểu-Lan. Chúng đưa mắt cho nhau như bàn định cái gì và ra chiều đắc ý lắm. Chủ quán hỏi lại lần thứ hai, một tên mới quay lại, không đáp, hỏi sang chuyện khác :

— Con bé ở đâu đến thế ?

— Bẩm đàn anh, nhà cháu cũng không rõ .

— Hai mẹ con đàn bà thế kia chắc là dễ bảo.

Chủ quán cười đáp một cách ranh mãnh :

— Bẩm vâng, đàn anh được vừa ý, xin thưởng nhiều cho nhà cháu nhé ;

— Ừ, rõ thật nhiều. Giờ hãy mang hai bình rượu ra đây. Và cho cô em ăn cơm đi đã. Họ ăn cơm chưa ?

— Dạ đề nhà cháu hỏi xem.

Chủ quán gọi mang rượu ra cho hai tên kia, rồi lại gần Phan phu-nhân cung-kính hỏi :

— Bà với cô em dùng thức gì xin bảo đề nhà hàng sửa soạn.

Phu-nhân đáp ,

— Mẹ con tôi ăn cơm thường thôi. Ông dọn ra rồi tính bao nhiêu thì tính.

Chủ quán đi vào sắp thức ăn. Một lúc sau, hai tên kia đã uống rượu, cười nói huyên-thiến. Phu-nhân và Tiểu-Lan cũng đang ăn cơm. Hai tên dần dần ngồi gần lại nơi phu-nhân và gọi trêu :

— Cụ đi chơi đâu vậy ?

Phan phu-nhân phải lễ phép đáp ,

— Bầm các ông, tôi sang chơi bên Phụng nhỡn.

— Cụ ở đâu ta?

Phu-nhân phải nói dối sợ lộ tung tích:

— Bầm tôi ở bên Đông-ngân này

— Cô em là con cụ hay cháu cụ thế?

Biết ý chúng chực chêu ghẹo Tiểu-Lan, phu-nhân nói:

— Nó là con tôi đấy.

— Cô em bao nhiêu tuổi rồi?

Phu-nhân nói rút tuổi đi:

— Nó mới mười lăm còn bé dại lắm, nên đi đâu cũng cứ theo đi. Một tên ha-hả cười nói tiếp:

— Bé! Lại còn bé, giá lấy chồng đã mấy con rồi đấy!

Tên kia cướp lời:

— Bé thì bé, cụ già cô ấy cho tôi nhé, về với tôi là cô ấy nhớn phổng ngay lên đấy.

Phan phu-nhân chưa kịp nói ra sao, thì một tên đứng lên lại ngồi sát ngay bên Tiểu-Lan và nhảu nhở nói:

— Nhỉ cô em nhỉ, cô em bằng lòng lấy tôi nhé. Lấy tôi sướng lắm kia.

Tiểu-Lan vội vàng chạy lại ngồi ghé sát bên Phan phu-nhân. Phu-nhân tức giận nói gắt:

— Các ông không được hỗn láo vô-lễ như vậy. Động đến con tôi thì một sống một chết!

Một tên sổ sàng đứng lên sẵn lại trước mặt phu-nhân và cười hô hô nói:

— Thế thì cụ chết để cô em sống với chúng tôi nhé.

Tên kia nói tiếp:

— Ừ phải đấy; một sống một chết mà!

Nói rồi, hai đứa ham-hở chực cướp lấy Tiểu-Lan, Phan phu-nhân đứng phắt giơ ngang hai tay cố cản lại và nói cứng rằng:

— Đồ vũ-phu, chớ có cậy sức làm càn, mẹ con ta chịu chết chứ không khi nào chịu nhục;

Tiểu-Lan đứng nép vào bên phu-nhân, thấy thế núng cũng liều hung-hăng luôn mồm chửi rủa. Hai đứa kia biết hai mẹ con Tiểu-Lan không tài nào thoát khỏi bàn

tay chúng, nên đều đứng yên khi khi cười tựa như con mèo vờn vuốt ve con chuột trước khi vồ chết. Chúng chưa kịp nói gì cả, thì ở ngoài đã có tiếng người quát từ sân vào:

— Quân kia không được cậy sức khỏe mà bắt nạt đàn bà con gái. Đồ hèn mạt,

Hai đứa vội quay cổ ra xem. Thì một người đàn ông, chạc ngoài ba mươi phượng phi tuần tú, đã sầm sầm cầm kiếm bước vào. Ý chừng thấy một người không đủ sức đối địch với chúng, nên chúng lại ngoảnh ngay cổ lại sẵn vào gạt Phan phu-nhân ra và nắm chặt lấy hai tay Tiểu-Lan. Tiểu-Lan rầy rụa kêu thét lên rằng:

— Ồi các ông ơi! Ồi làng nước ơi! Nó giết tôi!

Phan phu-nhân cũng vội kêu cầu cứu, người đàn ông kia vội vàng chạy lại nơi, cầm đốc kiếm nện mạnh vào lưng hai đứa và quát:

— Chúng mày muốn mất mạng, à?

Hai đứa vội bỏ Tiểu-Lan ra quay lại:

— Việc gì đến mày? Mày muốn chết phải không?

Người đàn ông kia không nói gì cả, múa kiếm gạt hai tên kia ra đến cửa, dồn chúng vào ngưỡng, rồi túm từng tên một quăng ra sân, nhanh nhẹn như ta tung con mèo vậy, rồi nghiêm-nghị nói:

— Việc gì à? Việc gì đấy! Cậy khỏe, hiếp chóc đàn bà con gái để người ta đề yên cho à?

Người kia quay vào tươi tắn nói với Phan phu-nhân và Tiểu-Lan rằng:

— Cụ và cô đã dùng cơm xong chưa?

Phu-nhân lễ-phép nói:

— Dạ, thưa tráng sĩ, mẹ con tôi đã ăn cơm xong rồi. May nhờ tráng-sĩ ra tay tế-độ cứu mẹ con tôi, không thì đến chết về hai đứa cường đạo ấy. Ông tái-tạo ấy chúng tôi xin đời đời ghi nhớ...

Nói vậy, nhưng phu-nhân vẫn sợ sệt nhìn ra ngoài sân, trong khi

người đàn ông kia nói:

— Bầm có gì mà sợ với huê, bốn phen những người lương-thiện gặp sự bất bình của đồng loại là phải ra tay giúp đỡ, cụ và cô đi chơi đâu vậy, mà lại vào nghỉ ở đây?

— Thưa tráng-sĩ, mẹ con tôi từ Đông-ngân sang đây để về Phụng-nhỡn, mỗi chân nên vào đây nghỉ, ăn quà rồi lại đi.

— Từ đây về Phụng-nhỡn còn xa đến tối không kịp mất. Nhưng quanh-quẩn ở đây cũng không tiện. Bọn cường đạo chúng nó lại dính mò hãm-hại chẳng. Vậy nghỉ chân rồi, cụ và cô nên ra đi ngay thì hơn. Rồi tối đâu, ta tìm vào nhà tử-tế mà nghỉ nhờ.

— Vâng, thưa tráng-sĩ, mẹ con tôi cũng nghỉ vậy, nhưng chẳng may khi vào đây lại gặp ngay hai tên kia, không ra kịp, thì lại may gặp tráng-sĩ.

— Thôi, thế thì đi mau đi, tôi cũng đi về mạn ấy.

— Bầm tráng-sĩ không uống rượu à?

— Không ạ, tôi thấy trong quán ồn-ào nên vào đây thôi ạ. Nhà hàng ra mà lấy tiền đi này.

Chủ quán lễ phép đi ra tính tiền. Người đàn ông kia nghiêm-nghị bảo:

— Tội anh đáng chết. Giữa ban ngày mà anh dung túng cho bọn đầu trộm đuôi cướp làm càn ở trong quán anh. Bận sau mà còn thế nữa thì coi lỗi kiếm này, nghe không?

Chủ quán khép-nép sợ sệt thưa:

— Bầm vâng ạ. Bầm con sợ bọn chúng quá, nên không dám can ngăn nói năng gì cả.

— Thế sao không hô-hoán cho dân-gian, mọi người biết.

— Bầm lấy tráng-sĩ. Đề im cho chúng muốn làm gì thì làm thì còn được yên thân, yên cửa yên nhà. Chứ kêu lên, cũng chẳng ai dám chạy đến cứu, mà chúng còn đánh cho ốm-âm và phá phách tan hoang cả nhà cửa.

Còn nữa

CHU-THIÊN

QUỐC-HỌC THU-XÃ

Đã phát hành

THI - THỌ AI

Một kho tài-liệu vô giá của các nhà thơ, các nhà
yêu thơ, các học-giả nghiên-cứu thi-học, văn-học

Giấy non 300 trang giá 2p00

Giấy bouffant và giấy lệnh thượng hạng
mỗi thứ còn hai bộ giá 4p00

Thư và ngân phiếu đề

M. LÊ VĂN-HỒE giám-đốc **QUỐC-HỌC**
THU-XÃ, 16bis *Tiên Tsin* **HANOI**

CHÚ Ý

Các bạn mua báo và các đại-lý nhớ
gửi tiền về trả cho, đa tạ. *Tri-Tân*

SÁCH CỦA NHẬT-NHAM**Trịnh - Như - Tấu :**

- 1 - Hưng yên địa chí 0p.80
- 2 - Bắc giang địa chí 1.50
- 3 - Trịnh gia chính phủ 0.40

Đều có bán tại Đông Tây
thư quán

195 Phố Hàng Bông - Hanoi

Các bạn
cầu may !

bỏ 1 đồng

mua vé số

Đông - Pháp

biết đâu không trúng
số độc đắc 10 vạn

Mời xuất bản :**DANH NHÂN
VIỆT - NAM**của **PHAN TRẦN-CHỨC**Trong tủ sách **Tao Đàn**Nhà **TÂN-DÂN** xuất bản

Toàn bộ 4 quyển, mới ra quyển 1

Mỗi quyển bản thường : 0 \$ 7 0

Bản đặc biệt giấy lụa dó : 4 \$ 0 0

Ở xa xin gửi tiền trước, thêm tiền cước
mỗi quyển là 0p.30. Không gửi linh hóa
giao ngân. Mandat đề tên ông **VŨ**
ĐÌNH-LONG 93, Rue du Colon - Hanoi

Đã có bán**Bút Nghiên**

của

CHU-THIÊN

Tất cả mọi khung cảnh của trường học cổ,
mọi phong tục, mọi hoài-vọng của xã hội nhà
nho, với những biến-cải ở tâm trạng người xưa
trong đời đi học, từ khi « vỡ lòng » đến khi đỗ
đạt, qua các kỳ thi Hạch, thi Hương, thi Hội,
thi Đình, đều được ghi chép lại rất công-phu,
rất cặn kẽ, rất tỉ-mỉ và rất lý-thú, để đánh dấu
lấy một thời đại long trọng của ngày xưa mà
nay không bao giờ còn có nữa.

Dày 400 trang, giá 2\$00

Mua một quyển gửi tiền về trước. thêm 0p.60
tiền cước.

HÀN THUYỀN XUẤT BẢN CỤC71 phố *Tiên Tsin* HanoiDirecteur : **Nguyễn Tường-Phượng**Imp. Spéciale du **Tri-Tân** HanoiAdministrateur-Gérant : **Dương Tự-Quân**